



BẢN TIN

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG

SỐ 01

2025

ISSN 1859 - 0268

HƯỞNG ỨNG NGÀY SỞ HỮU TRÍ TUỆ THẾ GIỚI 26-4



SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ ÂM NHẠC:
Cảm nhận nhịp điệu của sở hữu trí tuệ

- Tháng 03/2025 -



SÀN GIAO DỊCH CÔNG NGHỆ AN GIANG

Nhằm phát triển thị trường khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ An Giang thành lập Sàn Giao dịch công nghệ An Giang (ATTE) có địa chỉ tại:

<https://atte.vn>

Các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có thể đăng ký thành viên (miễn phí) để mua hoặc bán thiết bị, công nghệ trên Sàn Giao dịch công nghệ An Giang.

Đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tại An Giang khi mua thiết bị, công nghệ mới có thể nhận được kinh phí hỗ trợ không hoàn lại theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh An Giang.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ATTE SÀN GIAO DỊCH CÔNG NGHỆ AN GIANG
AN GIANG TECHNOLOGY TRANSFER AND EXCHANGE

KÍNH MỜI CÁC DOANH NGHIỆP
THAM GIA CHÀO BÁN SẢN PHẨM
TRÊN SÀN GIAO DỊCH CÔNG NGHỆ TRỰC TUYẾN

Tìm theo Danh mục | Sản phẩm | Từ khóa tìm kiếm (Lưu ý: viết Tiếng Việt có dấu) | Tìm

TIN TỨC SÀN **SỰ KIỆN SÀN**

TB/CN CHÀO BÁN TB/CN CẦN MUA CHUYÊN GIA TƯ VẤN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ CHÀO BÁN Xem tất cả

Máy trộn lập phương 2 gói
Đơn giá: Liên hệ

Tủ sấy tiết trùng
Đơn giá: Liên hệ

Dây chuyền sản xuất gạch không nung tự động TPC-B1209
Đơn giá: Liên hệ

Máy dẫn nhãn GL-08
Đơn giá: Liên hệ

Máy ủ phân hữu cơ siêu nhanh RCM-200
Đơn giá: Liên hệ
Xuất xứ: Hà Nội

Camera hội nghị Jabra Panacast 20 thông minh độc đáo
Đơn giá: Liên hệ
Xuất xứ: Toàn Quốc

Máy xay giò chả công nghiệp 15kg 2 lớp
Đơn giá: Liên hệ
Xuất xứ: An Giang

Máy xay thịt làm giò 10kg 2 lớp
Đơn giá: Liên hệ

Máy dẫn nhãn màng seal bán tự động

Máy nghiền tam thất

Máy phồng màng co SPC-150B

Máy co màng BS-400

Bản tin KHOA HỌC AN GIANG

Giao diện website <https://atte.vn>

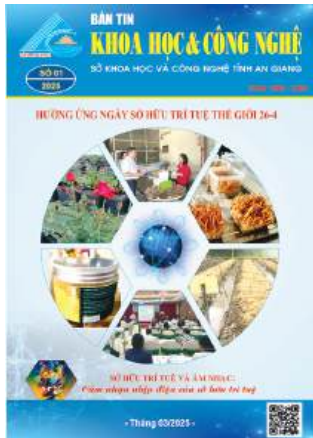
Mọi chi tiết vui lòng liên hệ

Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ An Giang

Địa chỉ: 36 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Điện Thoại: (0296) 3954306 - (0296) 3954305 - (0903 686 698 - Thái Kha)

Email: trungtamkhenag@gmail.com



ISSN 1859 - 0268

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ThS. TÀNG PHÚ AN

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Trưởng Ban biên tập:

ThS. PHAN VĂN KIẾN

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Phó Trưởng Ban biên tập:

ThS. TRẦN PHÚ VINH

Thư ký:

KS. HÀ THỊ MỸ TRANG

Biên tập viên:

ThS. ĐẶNG THỊ TIẾP THU

ThS. TRẦN NGỌC PHƯƠNG ANH

ThS. ĐOÀN HỮU TRÍ

KS. TRƯƠNG BẢO QUỐC

Trình bày

HỮU TRÍ

Địa chỉ phát hành:

Số 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

☎ (0296) 3852212 hoặc (0296) 3954305

✉ bantinkhcnag@gmail.com

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN - CHÍNH SÁCH

1. Kế hoạch thực hiện chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo 2

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

2. Kết quả triển khai chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024 4
3. An Giang triển khai thực hiện nghị quyết số 03/NQ-CP của chính phủ về thực hiện nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia 8
4. Kỹ thuật giám canh và chăm sóc cây trên giống hoa hồng đỏ siêu bông 16
5. Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới tỉnh An Giang 20
6. Nghiên cứu nguy cơ trầm cảm sau sinh và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ có con dưới 6 tháng tuổi tại tỉnh An Giang năm 2023 – 2024 24
7. Kết quả tuyển chọn đơn vị chủ trì, chủ nhiệm và xét duyệt hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2024 -2025 27

TIN TỨC

8. Ngày sở hữu trí tuệ thế giới 26/4/2025
sở hữu trí tuệ và âm nhạc: cảm nhận nhịp điệu của sở hữu trí tuệ 32
9. Điểm tin hoạt động khoa học công nghệ cấp huyện tháng 01 - 02/2025 33
10. 5 xu hướng công nghệ sẽ phát triển mạnh trong năm 2025 34
11. Vinh danh 133 doanh nghiệp đạt giải vàng và giải thưởng chất lượng quốc gia 37
12. Tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và hoạt động liên minh hợp tác tỉnh An Giang tháng 01 năm 2025 38
13. Phê duyệt thực hiện đề tài KH&CN cấp tỉnh “nghiên cứu phát triển một số sản phẩm từ cây kim ngân (Ionicera japonica thunb.) trồng tại An Giang 39

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

KH&CN	Khoa học và Công nghệ	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
KT-XH	Kinh tế - xã hội	CNSH	Công nghệ sinh học
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long	UBND	Ủy ban nhân dân
ĐMST	Đổi mới sáng tạo	HĐND	Hội đồng nhân dân
SHTT	Sở hữu trí tuệ	HTX	Hợp tác xã

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 38-CT/TW NGÀY 30/7/2024 CỦA BAN BÍ THƯ VỀ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

Căn cứ Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo (sau đây gọi là Chỉ thị số 38-CT/TW), Tỉnh ủy An Giang ban hành Kế hoạch số 211-KH/TU, ngày 30/12/2024 về thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW. Sau đây giới thiệu tóm tắt nội dung Kế hoạch số 211-KH/TU, như sau:

1. Mục đích, yêu cầu:

Quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Chỉ thị số 38-CT/TW nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, doanh nghiệp, người dân trong quá trình triển khai thực hiện công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW.

2. Nhiệm vụ và giải pháp:

a. Nâng cao nhận thức, kiến thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:

Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp

luật của Nhà nước và các văn bản có liên quan công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bằng nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với từng nhóm đối tượng về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và phát triển đất nước nói chung và của Tỉnh nói riêng. Tổ chức tập huấn kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; phổ biến, hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật; triển khai các đề án, chương trình, kế hoạch, các tài liệu kỹ thuật về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

b. Rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách đối với hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:

Thường xuyên rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách phù hợp với hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; chú trọng hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp về chuyển đổi số, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất, nhập khẩu. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia.

c. Kiện toàn tổ chức, xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bảo đảm số lượng và chất lượng:

Tiếp tục kiện toàn tổ chức hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh. Đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực cho hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đảm bảo về số lượng và chất lượng. Tăng cường nguồn nhân lực có chất lượng cho các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm... trên địa bàn tỉnh. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên gia tư vấn, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng, chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, chuyên gia năng suất chất lượng để hình thành đội ngũ chuyên gia đánh giá sự phù hợp của Tỉnh.

d. Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất nhằm nâng cao năng lực quản lý, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn thử nghiệm của các trung tâm kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, từng bước hiện đại hóa hệ thống các tổ chức đánh giá sự phù hợp trên địa bàn tỉnh đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, kinh doanh và công tác quản lý nhà nước. Đầu tư phát triển theo hướng lấy doanh nghiệp, người dân làm trung tâm để hình thành hạ tầng tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Tăng cường nguồn lực để kiểm soát các hoạt động thương mại điện tử đang ngày càng phát

triển và có diễn biến phức tạp đặc biệt là phòng, chống hàng giả, hàng nhái và hàng kém chất lượng.

e. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, giám sát bảo đảm an toàn chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường; kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; chủ động phòng, chống tiêu cực trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Tăng cường đầu tư trang thiết bị thử nghiệm nhanh, kiểm định, đo lường lưu động phục vụ công tác kiểm tra đặc thù trong một số lĩnh vực quan trọng của đời sống KT-XH.

Thành lập kênh tiếp nhận thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với sản phẩm nhập khẩu và lưu thông trên thị trường. Có chính sách khen thưởng kịp thời và biện pháp phù hợp để bảo vệ người tố giác hành vi vi phạm quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

f. Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trong ngành tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:

Ưu tiên xây dựng các nền tảng số về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, đánh giá sự phù hợp, hàng rào kỹ thuật trong thương mại; mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa....

“Xem tiếp trang 15”

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG NĂM 2024

ThS. Lê Thị Thùy Trang

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang

Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2024, Sở KH&CN đã triển khai Chiến lược với mục tiêu không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về SHTT, phấn đấu triển khai đầy đủ và đồng bộ các giải pháp, nhiệm vụ của Chiến lược đã đề ra. Một số kết quả đạt được như sau:

Công tác quản lý nhà nước về SHTT trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực và đạt được kết quả nhất định. Trong đó, công tác tuyên truyền, phổ biến Chiến lược SHTT và các văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật SHTT luôn được quan tâm và đẩy mạnh. Nhận thức của xã hội về vai trò và ý nghĩa của việc bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp được nâng cao, tạo động lực mạnh mẽ khuyến khích và thúc đẩy doanh nghiệp, cá nhân chủ động đăng ký xác lập quyền SHTT, góp phần tạo dựng uy tín, danh tiếng, năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức tập huấn kiến thức sở hữu trí tuệ chủ đề: “*Xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm địa phương*” và “*Cam kết quốc tế về sở hữu trí tuệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong bối*



Tập huấn kiến thức sở hữu trí tuệ năm 2024

cảnh hội nhập quốc tế” cho 120 người là cán bộ quản lý nhà nước, các cơ quan thực thi quyền SHTT và Hợp tác xã, cơ sở, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh... Qua đó góp phần nâng cao nhận thức và thúc đẩy phát triển sở hữu trí tuệ trong bối cảnh hội nhập quốc tế; tổ chức Hội nghị phát triển Nhãn hiệu chứng nhận An Giang và trưng bày 24 sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận An Giang có 74 đại biểu tham dự, góp phần quảng bá thương hiệu địa phương và thúc đẩy phát triển bền vững các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

Hỗ trợ tra cứu, tư vấn, hướng dẫn 26 lượt tổ chức, cá nhân về hồ sơ, thủ tục đăng ký xác lập quyền 01 giải pháp hữu ích, 19 nhãn hiệu, gia hạn 04 nhãn hiệu và sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký 02 nhãn hiệu.

Trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ trong nước đối với 33 nhãn hiệu và đăng ký bảo hộ nước ngoài 01 nhãn hiệu cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí hỗ trợ 444 triệu đồng.

Tổ chức tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh An Giang đến năm 2030 đối với 02 sản phẩm bắp bao tử của huyện Chợ Mới và nhãn xuồng của xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú; gửi Cục Sở hữu trí tuệ 01 đề xuất nhiệm vụ: “*Xây dựng và quản lý Nhãn hiệu chứng nhận Mắm Châu Đốc cho sản phẩm mắm cá của thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang*”.

Vận động 20 tổ chức, cá nhân có sản phẩm phù hợp tham gia sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang; ban hành Quyết định trao quyền và gia hạn quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang cho 09 tổ chức, cá nhân; hỗ trợ 41.500 tem nhãn hiệu chứng nhận An Giang cho 08 tổ chức, cá nhân để phát huy giá trị Nhãn hiệu chứng nhận An Giang và giúp người tiêu dùng trên thị trường nhận biết nguồn gốc đây là sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

Đã tổ chức 01 đợt kiểm tra chuyên ngành về chỉ dẫn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với 04 doanh nghiệp; tiến hành theo dõi, giám sát các đoàn hoạt động biểu diễn nghệ thuật trong, ngoài tỉnh biểu diễn tại An Giang và giám sát công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trong lĩnh vực hoạt



*Khảo sát tình hình sử dụng
Nhãn hiệu chứng nhận An Giang*

động kinh doanh do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý; tăng cường kiểm tra, kiểm soát các hàng hóa xuất, nhập khẩu thuộc danh mục hàng hóa có khả năng rủi ro về hàng giả, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc có đặc điểm giống, tương tự với lô hàng xuất, nhập khẩu đã bị xử lý vi phạm về hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trước đó; hàng hóa xuất, nhập khẩu được chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ, nhà sản xuất, đại lý độc quyền, nhà phân phối và cơ quan nhà nước có liên quan cảnh báo nguy cơ vi phạm về hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hàng hóa, bao gói có dấu hiệu thay đổi nhãn mác, số hiệu trên bao bì hoặc nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý ghi trên hàng hóa khác với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý khai báo trên tờ khai hải quan.

Phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh tổ chức đoàn (17 doanh nghiệp) tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm và cùng tham dự kết nối nhu cầu công nghệ tại sự kiện Chợ Công nghệ - Thiết bị và Thương mại tỉnh Đồng Nai (Techmart Dong Nai) năm 2024.

Phối hợp với Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Châu Phú tổ chức tập huấn về Khởi nghiệp ĐMST cho khoảng 60 đoàn viên thanh niên của huyện. Tham gia 4 đợt tập huấn về hoạt động tư vấn Khởi nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh và TP. Cần Thơ; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp tham gia 03 sự kiện khởi nghiệp ĐMST ở trong nước. Tổ chức lớp tập huấn “Nâng cao năng lực khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp cho đoàn viên thanh niên trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang” với hơn 70 học viên là các bạn đoàn viên đến từ các Công ty và các cơ quan có liên quan thuộc Đoàn Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh.

Phối hợp với các đơn vị thành viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thực hiện 05 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, 04 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên các lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học y dược và khoa học nông nghiệp.

Tổ chức Hội đồng tuyển chọn tổ chức chủ trì, chủ nhiệm và xét duyệt đề cương 02 đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh “*Tuyển chọn giống lúa thơm, chất lượng cao phù hợp với điều kiện canh tác tỉnh An Giang*” và “*Ứng dụng công nghệ cao để nghiên cứu, phát triển sản xuất giống lúa nếp cho Phú Tân phục vụ nội tiêu và xuất khẩu*” phục vụ đề án “Xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.



Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh An Giang đến năm 2030

Dự kiến 02 đề tài khi hoàn thành sẽ chọn tạo được ít nhất 01 giống lúa và 01 giống nếp mới đáp ứng tiêu chuẩn đưa của Đề án.

Cập nhật 400 tin tức trên website thương mại điện tử <https://atte.vn>; biên tập và xuất bản 06 kỳ Bản tin khoa học và công nghệ: với tổng 3.450 cuốn; Đẩy mạnh tuyên truyền trên báo, đài, website và Bản tin khoa học và công nghệ của tỉnh giới thiệu nhiều mô hình, đề tài nghiên cứu, dự án ứng dụng đổi mới công nghệ nổi bật trên địa bàn tỉnh, các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp (nhãn hiệu) được bảo hộ đã khai thác và phát triển hiệu quả.

Tổ chức 03 phiên kết nối cung cầu công nghệ giới thiệu các sản phẩm công nghệ mới trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phân bón hữu cơ, công nghệ sau thu hoạch và nhiều lĩnh vực khác thu hút hơn 1.200 khách tham quan với 35 gian hàng trưng bày tại khu bờ hồ Nguyễn Du.

Hỗ trợ thực hiện các dự án: ⁽ⁱ⁾Cải tiến và hoàn thiện quy trình sản xuất giống cá heo (*Botia modesta* Bleeker, 1865)

tại tỉnh An Giang; ⁽ⁱⁱ⁾Thử nghiệm mô hình nuôi gà Isa Brown để trứng tại huyện Châu Phú và ⁽ⁱⁱⁱ⁾Ứng dụng và hoàn thiện quy trình xử lý ra hoa nghịch vụ cho cây sầu riêng Ri 6 và Dona tại tỉnh An Giang.

Phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tổ chức 02 sự kiện: Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh An Giang lần thứ XIII năm 2024-2025 và Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh An Giang năm 2024 (kết quả đã trao 5 giải nhất, 5 giải nhì, 7 giải ba, 25 giải khuyến khích, trong đó có 1 sản phẩm đoạt giải nhì và 1 sản phẩm đoạt giải khuyến khích Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên và nhi đồng toàn quốc lần thứ 20).

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện Chiến lược vẫn còn một số khó khăn, hạn chế: Ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đã được cải thiện. Tuy nhiên, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đa số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ lẻ, sản phẩm tiêu thụ chủ yếu là sản phẩm thô nên các hoạt động về đăng ký, phát triển quyền sở hữu trí tuệ chưa được quan tâm đúng mức. Việc phối hợp giữa các ngành có liên quan để giải quyết vấn đề về SHTT còn đang lúng túng và khó khăn trong việc quản lý và hỗ trợ bảo hộ cũng như phối hợp thực thi giải quyết khiếu nại về xâm phạm quyền SHTT. Nguồn nhân lực, năng lực quản lý SHTT còn hạn chế. Công tác quản lý, hỗ trợ chuyên môn về SHTT chỉ ở phạm vi cấp tỉnh,

các địa phương trong tỉnh, các hội, hiệp hội nghề nghiệp chưa có nhiều kiến thức, kinh nghiệm về SHTT để trực tiếp tư vấn, hướng dẫn bảo hộ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ của địa phương.

Do đó, để góp phần vào sự phát triển KT-XH của địa phương, triển khai hiệu quả Chiến lược SHTT đến năm 2030, trong thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh triển khai các hoạt động về SHTT trên địa bàn tỉnh, như:

Tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác đào tạo, thông tin, tuyên truyền văn bản pháp luật, kiến thức SHTT cho doanh nghiệp; tổ chức các chương trình bồi dưỡng kiến thức về SHTT để nâng cao trình độ nguồn nhân lực SHTT.

Thúc đẩy ĐMST, tăng cường ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và đẩy mạnh bảo hộ quyền SHTT trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm, dịch vụ của tỉnh thông qua hỗ trợ xác lập, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ. Tăng cường sự gắn kết của các ngành trong công tác hỗ trợ phát triển các sản phẩm nông nghiệp địa phương. Triển khai thống nhất, đồng bộ các chương trình, chính sách hỗ trợ sản phẩm để phát triển sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành trong hoạt động quản lý nhà nước và thực thi quyền SHTT trên địa bàn tỉnh./.

AN GIANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 03/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang

Những năm qua, các cấp, các ngành đã quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH,CN,ĐMST và CDS); chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có chuyển biến tích cực, gắn kết chặt chẽ với sản xuất và đời sống, kết quả các nhiệm vụ KH,CN có đơn vị tiếp nhận, ứng dụng vào thực tiễn góp phần mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ngày càng đi vào nền nếp, góp phần ngăn chặn các làn sóng công nghệ lạc hậu vào tỉnh; công tác quản lý nhà nước, triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa, bảo hộ tài sản trí tuệ, đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân ngày càng đầy mạnh, phát huy hiệu quả. Công tác CDS có sự quan tâm,

đạt nhiều kết quả tích cực. Hạ tầng số được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu, các nền tảng số, các hệ thống ứng dụng dùng chung đưa vào vận hành hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý, điều hành, kết nối với hệ thống các sở, ngành và địa phương, bước đầu đã đạt được các kết quả quan trọng. Đóng góp của tăng năng suất các nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng GRDP của tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2022¹ trung bình TFP đạt 4,42%/năm và mức đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế năm 2022 là 53,8%.

Bên cạnh những kết quả tích cực, phát triển KH,CN,ĐMST và CDS trên địa bàn tỉnh vẫn còn những bất cập, hạn chế. Tốc độ và sự bứt phá về phát triển KH,CN,ĐMST và CDS của tỉnh còn chậm; quy mô, tiềm lực, trình độ KH,CN,ĐMST còn hạn chế; nghiên cứu, ứng dụng KH,CN,ĐMST chưa có bước đột phá; cơ chế, chính sách về KH,CN chưa hỗ trợ được nhiều cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại còn hạn chế, chưa được đầu tư đầy đủ, đồng bộ; CDS, cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị còn chậm đổi mới; hiện tại tỉnh chưa tạo được môi trường làm việc đủ

¹ Theo kết quả nhiệm vụ KHCN “Nghiên cứu đánh giá đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp TFP đến tăng trưởng kinh tế tỉnh An Giang giai đoạn 2010-2022, giải pháp nâng cao đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế tỉnh An Giang giai đoạn đến năm 2030” do Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh chủ trì.

sức hấp dẫn để thu hút những người có tài năng, đặc biệt là các chuyên gia đầu ngành về công hiến cho tỉnh.

Bên cạnh những nguyên nhân khách quan liên quan đến thể chế, cơ chế chính sách của Trung ương, những bất cập hạn chế nêu trên chủ yếu do những nguyên nhân chủ quan, nhất là nhận thức của các cấp, các ngành trong tỉnh về KH,CN,ĐMST và CDS chưa đầy đủ và sâu sắc; nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng; hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ĐMST của các cấp, các ngành còn chậm đổi mới, thiếu tập trung; nguồn lực của tỉnh đầu tư cho KH,CN,ĐMST và CDS chưa tương xứng với tiềm năng; trong đó đặc biệt ở các doanh nghiệp đầu tư cho KH,CN và chuyển đổi số còn chưa được quan tâm đúng mức.

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết 57), Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị ra đời như một bước đi chiến lược nhằm khẳng định vai trò then chốt của KH,CN và ĐMST đối với sự phát triển KT-XH của Việt Nam. Đây không chỉ là một chủ trương đúng đắn mà còn là yêu cầu cấp thiết để Việt Nam tận dụng tối đa các cơ hội và vượt qua thách thức trong giai đoạn mới. Trên cơ sở đó, ngày 09/01/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 03/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Nghị quyết số 57-NQ/TW thể hiện quyết tâm của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ

Chính trị và cả hệ thống chính trị. Việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KH,CN,ĐMST và CDS, do đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng Ban là sự cam kết, sự quyết tâm lớn nhất, mạnh mẽ nhất. Trong đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW xác định *“Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và nhân dân đối với phát triển KH,CN,ĐMST và CDS quốc gia”*.

Nghị quyết 57-NQ/TW không thay thế các Nghị quyết trước đây nhưng có thể xem là *“Nghị quyết giải phóng tư duy khoa học”*, *“Nghị quyết để thực hiện các Nghị quyết”*, *“Nghị quyết của hành động”* với những mục tiêu rất cụ thể, đổi mới cách nghĩ, cách làm, nhằm hiện thực hóa các chủ trương, xóa bỏ rào cản, giải phóng năng lực để thúc đẩy đột phá trong phát triển KH,CN,ĐMST và CDS, tạo nền tảng phát triển mạnh mẽ đất nước trong thời kỳ mới. Trách nhiệm của Nhà nước cần tập trung 04 việc: ⁽¹⁾Hoàn thiện thể chế, pháp lý để thực hiện đột phá, phát triển, ⁽²⁾Xây dựng hệ thống hạ tầng phục vụ đột phá, ⁽³⁾Tạo nguồn nhân lực phong phú, trí tuệ đủ năng lực để đột phá, ⁽⁴⁾Đảm bảo an ninh, an toàn dữ liệu thông tin, bí mật, bí quyết, bảo đảm quyền SHTT, bảo mật chủ quyền quốc gia, phát triển độc lập.

Ngày 25/02/2025, UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch số 181/KH-UBND về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển

KH,CN,ĐMST và CDS quốc gia, với mục tiêu đến năm 2030: Tiềm lực, trình độ KH,CN,ĐMST và CDS thuộc nhóm các địa phương ở mức khá; về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu; tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế tối thiểu 55%, quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 20% GRDP của tỉnh; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%, tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm cho phát triển KH,CN,ĐMST và CDS; nguồn nhân lực nghiên cứu KH,CN,ĐMST và CDS đạt 12 người trên một vạn dân; số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16-18%/năm, tỷ lệ khai thác thương mại đạt 8-10%; hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại các thành phố, thị xã, đô thị có đủ điều kiện và đạt tối thiểu 01 đô thị. **Tầm nhìn đến năm 2045:** KH,CN,ĐMST và CDS phát triển vững chắc, góp phần đưa An Giang trở thành tỉnh có thu nhập cao hơn so với bình quân chung của cả nước; xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) nằm trong nhóm 20 cả nước; có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 35% GRDP, thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố về ĐMST, CDS; nông nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục tỉnh An Giang nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước về mặt chất lượng, ứng dụng tiện ích số và thương hiệu mạnh.



Hội nghị thảo luận Dự thảo thực hiện NQ 57 của tỉnh

Để đạt được mục tiêu Kế hoạch số 181/KH-UBND thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 03/NQ-CP đề ra, trong thời gian tới, tỉnh An Giang cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển KH, CN, ĐMST và CDS:

Các sở, ban, ngành, địa phương tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy, hành động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, xác định phát triển KH,CN,ĐMST và CDS là nhiệm vụ trung tâm trong phát triển KT-XH của tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt về vai trò, tầm quan trọng của KH,CN,ĐMST và CDS đối với phát triển KT-XH, bảo vệ quốc phòng - an ninh; phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong phát triển, ứng dụng KH,CN,ĐMST và CDS thuộc phạm vi quản lý, kết quả thực hiện là một trong những tiêu chí, thước đo đánh giá về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện các chủ trương, chính sách; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KH, CN, ĐMST và CDS:

- Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về KH, CN, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền đảm bảo phù hợp với điều kiện của tỉnh để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển KH, CN, ĐMST và CDS. Có chính sách vượt trội trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với định hướng và lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

- Nghiên cứu, vận dụng sáng tạo, tổ chức áp dụng thí điểm các cơ chế chính sách mới, đặc thù của tỉnh đặc biệt đối với những vấn đề về phát triển KH, CN, ĐMST và CDS mà thực tiễn mới đặt ra. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo để tạo đột phá phát triển và ứng dụng công nghệ trong một số lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Triển khai các cơ chế thí điểm để thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; áp dụng chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Nghiên cứu, hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.



Phát triển công nghệ, nâng cao giá trị hàng hóa

- Ban hành quy định theo hướng dẫn của Trung ương về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ KH, CN, ĐMST và CDS; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KH, CN, ĐMST và CDS :

- Tập trung nguồn lực hoặc phối hợp Bộ, ngành Trung ương triển khai hoàn thiện các cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành, dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở, kết nối, chia sẻ và khai thác phù hợp để tạo ra giá trị.

- Ban hành, triển khai Kế hoạch ứng dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số; Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể...

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, mạng cáp quang băng thông rộng

tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn tỉnh. Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại các thành phố, thị xã, đô thị có đủ điều kiện để quản lý, phát triển.

- Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh...; tăng cường ứng dụng KH, CN, CDS thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như: nông nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục...; CDS các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh.

- Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục UBND tỉnh ban hành để phát triển KT-XH; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

- Tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 09/9/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; các

chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực, tập trung vào nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

- Rà soát triển khai, ban hành theo thẩm quyền chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ nhân lực có trình độ cao về KH, CN và CDS làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp nhu cầu của tỉnh, các chuyên gia, nhà khoa học về làm việc tại tỉnh theo các lĩnh vực, ngành nghề tỉnh có nhu cầu.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch/Đề án/Chương trình về CDS của tỉnh với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; trong đó tập trung hoàn thiện chính quyền điện tử các cấp, đẩy mạnh CDS trong cải cách hành chính, phát triển hạ tầng số và nguồn nhân lực cho CDS; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính quyền số.

- Đẩy mạnh ứng dụng KH&CN để xây dựng các cơ sở khoa học nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Tăng cường ứng dụng AI để phục vụ cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe và dân trí.

- Hoàn thiện và đưa vào vận hành Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) tỉnh nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân giúp giảm quan liêu của bộ máy nhà nước.

- Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân.

- Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số. Tăng cường giám sát an toàn thông tin để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Triển khai các hệ thống và nền tảng số về giám sát và thu thập dữ liệu môi trường, quản lý tài nguyên, thiên nhiên, nguồn nước, chất thải; hệ thống thông tin địa lý. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.



Tôn vinh trí thức KH&CN An Giang năm 2024

- Triển khai, liên thông các dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh và phục vụ người dân, doanh nghiệp (sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; Thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đăng ký thành lập doanh nghiệp...).

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp:

- Xây dựng, triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho CDS, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp. Xây dựng, triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh CDS.

- Xây dựng cơ chế, chính sách theo thẩm quyền, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về CDS; chính sách đủ mạnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về KH, CN, ĐMST và CDS, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại tỉnh.

- Xây dựng, công bố danh mục các nhiệm vụ KH,CN về CDS; đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện. Nghiên cứu, hình thành ít nhất 01 khu công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Công bố danh mục các bài toán lớn về KH,CN,ĐMST và CDS của tỉnh để doanh nghiệp công nghệ số tham gia giải quyết.

- Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

- Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học trong nghiên cứu khoa học, thử nghiệm công nghệ; đẩy mạnh kết nối cung cầu công nghệ để giới thiệu các thành tựu KH,CN và CDS trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện, hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài và những công nghệ sản xuất sản phẩm mà tỉnh có lợi thế cạnh tranh.

- Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ đầu tư, sản xuất, đặt trụ sở tại tỉnh: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao/Khu công nghiệp công nghệ cao/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung.

- Tổ chức học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố có các mô hình, giải pháp phát triển KH,CN,ĐMST và CDS hiệu quả, phù hợp với thực tế của tỉnh. Đẩy mạnh ngoại



VNPT An Giang đồng hành cùng chuyển đổi số

giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ.

★ Một số công việc cần làm ngay trong năm 2025:

(1) Khẩn trương ổn định bộ máy sau hợp nhất hai Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, hoàn thiện các cơ sở pháp lý về chức năng nhiệm vụ của bộ máy từ cấp sở đến huyện, thị xã, thành phố, cơ sở pháp lý mua sắm tài sản công trong lĩnh vực KH,CN và cơ chế quản lý các nhiệm vụ KH,CN.

(2) Xây dựng, ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH,CN,ĐMST và CDS quốc gia, đảm bảo *có trọng tâm, trọng điểm, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả*. Trong đó sẽ lấy chất lượng của nhà khoa học, ĐMST và CDS tập trung trong lĩnh vực y tế, giáo dục và dịch vụ làm trung tâm, ưu tiên lồng ghép thực hiện:

- Triển khai kế hoạch 457/KH-UBND ngày 08/5/2024 về triển khai thực hiện Chương trình hành động số 24-CTr/TU

ngày 28/11/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới.

- Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 09/9/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 107/NQ-CP của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của BCHTW Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

(3) Tổ chức các hoạt động thúc đẩy phát triển nền kinh tế xanh, nông nghiệp phát thải ròng bằng không. Triển khai nghiên cứu và đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp khai thác các lợi thế của tỉnh như phát triển và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm

Net zero như gạo, trái cây, dược liệu; xây dựng An Giang thành trung tâm cung cấp giống rau, hoa, dược liệu cho vùng ĐBSCL.

(4) Xúc tiến cải thiện và nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo của địa phương, trong đó tập trung vào các chỉ số thành phần về cơ chế chính sách và điểm số về hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số.

(5) Xây dựng một xã hội năng động lấy “hành động vì sự nghiệp chung” làm nòng cốt, tạo dựng một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bền vững. Huy động mọi nguồn lực nhằm thúc đẩy phát triển nền KH&CN tỉnh nhà.

(6) Tăng cường năng lực hoạt động KH,CN của các tổ chức KH,CN, các nhóm RD trong doanh nghiệp, gắn kết chặt chẽ các nhà khoa học tại các viện, trường và các chủ doanh nghiệp tại địa phương./.

“Tiếp theo trang 3”

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm, dịch vụ tỉnh An Giang, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

3. Tổ chức thực hiện:

Các huyện, thị, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền; cụ thể hóa việc thực hiện Chỉ thị số

38-CT/TW phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị; đưa nội dung công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng vào trong kế hoạch phát triển KT-XH của ngành, địa phương. Định kỳ sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Kế hoạch này phổ biến đến các chi bộ./.

Sở KH&CN An Giang

Nguồn: Kế hoạch số 211-KH/TU, ngày 30/12/2024 của Tỉnh ủy An Giang



Kỹ thuật giâm cành và chăm sóc cây trên giống hoa hồng đỏ siêu bông



ThS. Nguyễn Thị Phúc Nguyên, ThS. Trịnh Thị Thanh Hòa

Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp

1. Đặt vấn đề:

Không chỉ có lịch sử hơn 100 năm, hoa hồng còn được người dân Sa Đéc (Đồng Tháp) phát triển lên tầm cao, trở thành thủ phủ hoa hồng của vùng đất Nam Bộ. Hiện nay, Sa Đéc đang trồng khoảng 70 giống hoa hồng các loại với đủ các màu sắc khác nhau.

Tại đây, người trồng hoa hồng thường nhân giống hoa bằng phương pháp chiết cành và giâm cành, đối với các giống hoa hồng ngoại mới được nhập về thì phương pháp giâm cành được ưa chuộng hơn. Để có đánh giá cụ thể về hiệu quả của kỹ thuật giâm cành trên giống hoa hồng ngoại, nghiên cứu: “Kỹ thuật giâm cành và chăm sóc cây trên giống hoa hồng đỏ siêu bông” đã được thực hiện tại vườn hoa kiểng Hữu Khanh, Thành phố Sa Đéc.

2. Nội dung nghiên cứu:

a. Phương pháp:

Cây mẹ giống hoa hồng đỏ siêu bông đã được chăm sóc tại vườn 6 tháng. Tất cả các cây được chọn làm nghiên cứu đều phát triển đồng đều, cây khỏe mạnh và không sâu bệnh. Cành được chọn làm cành giâm là cành lấy từ cành bánh tẻ của cây mẹ, cành có lá chuyển sang lưa.

Các chậu cây thí nghiệm được đặt trên giàn (giàn có độ cao là 80 cm, chiều ngang



Hình 1. Cành giâm đã được cắt

1 m và dài 20 m). Giai đoạn giâm cành có tổng số chậu được theo dõi là 500 chậu (loại chậu 5); Giai đoạn trồng cây: Các chậu cây được sang từ chậu 5 qua chậu 8, tổng số chậu được chọn chăm sóc và theo dõi là 250 chậu.

b. Kết quả:

- Kỹ thuật cắt và giâm cành:

+ Kỹ thuật cắt cành giâm:

Khi cắt cành cần cho kéo nằm vuông góc với cành, cắt dứt khoát, sát nách thân mẹ, cành dài khoảng 5 cm tương đương với 3-4 lá trên cành (Hình 1).

+ Kỹ thuật giâm cành:

Giá thể bao gồm rơm mục và đất sạch Vi Nông, với tỉ lệ 2:5, lấy giá thể cho vào chậu 5 (bầu giâm). Đồng thời, pha thuốc kích rễ N3M pha với thuốc trừ bệnh Romio.



Hình 2. Cành giâm được nhúng vào dung dịch thuốc



Hình 3. Cành đã được giâm

Tiếp đến, để cành giâm vào bao lưới rồi nhúng cả bao cành giâm vào thuốc kích rễ đã được pha sẵn (Hình 2), nhúng trong 1 phút. Sau đó tiến hành cắm cành giâm vào chậu, cành được cắm thẳng đứng vào giá thể (tạo thành góc 90° so với giá thể), cắm đến nách lá thứ nhất của cành, tương đương 1-2 cm.

Một bầu giâm 4 cành (Hình 3). Sau khi giâm tiến hành phun kích rễ và thuốc bệnh một lần nữa để bảo vệ cây sạch bệnh và tạo môi trường thuận lợi cho cây mau ra rễ.

Sau đó trùm bọc, trùm từ trên xuống, bao phủ toàn chậu và trùm xuống 2/3 chậu. Việc trùm bọc sẽ cho cành sau khi giâm giữ được độ ẩm, hạn chế sự thoát nước và giúp kích thích rễ nhanh hơn, đồng thời hạn chế sự xâm nhập của sâu bệnh hại. Thực hiện giâm cành vào lúc sáng sớm (hoặc chiều mát) để hạn chế cành giâm bị mất nước.

- Chăm sóc cành giâm:

+ Nước tưới:

Giai đoạn đầu, khi cành chưa xuất hiện rễ, mỗi ngày chỉ tưới sương 1 lần vào lúc sáng sớm. Khi cành giâm đã hình thành rễ, cây bắt đầu có khả năng hút nước thì ẩm

độ giá thể luôn phải được đảm bảo ở mức 80-85%, tưới bằng vòi phun vào bên trong bầu.

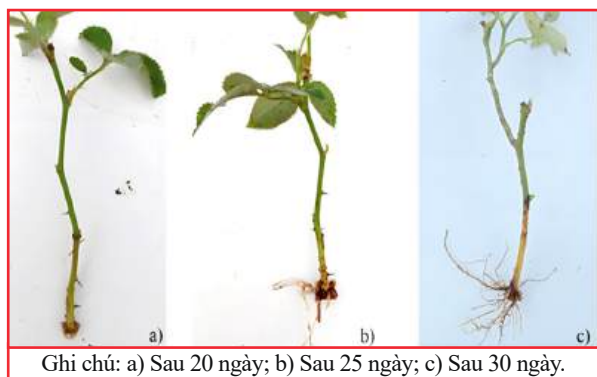
+ Sâu bệnh hại và tỷ lệ chết:

Kết quả theo dõi không thấy sự xuất hiện của sâu bệnh hại trên cành giâm.

Có xuất hiện chết cành giâm, nghiên cứu trên 500 bầu đã giâm cành có tổng tỉ lệ chết là 30%, trong đó tỷ lệ cao nhất là ngày thứ 15 (16%), tiếp đến là ngày thứ 20 (10%) và ngày 25 là 4%.

- Tỷ lệ ra rễ:

Kiểm tra ngẫu nhiên 20 bầu giâm/ lần, mỗi bầu là 1 cành giâm, ở các giai đoạn 20, 25 và 30 ngày sau khi giâm cành (NSKGC) cho kết quả như sau: 20 NSKGC có tỷ lệ ra rễ là 75%, rễ đã xuất hiện li ti, rễ non màu trắng mọc đâm ngang và không có rễ phụ (Hình 4.a); 25 NSKGC có tỷ lệ ra rễ là 85%, rễ đã mọc ra nhiều hơn, khoảng 2-3 cm, rễ vẫn mọc ngang nhưng có nhiều rễ phụ, màu trắng. Lúc này cành giâm cũng bắt đầu xuất hiện chồi mới (Hình 4.b); Giai đoạn 30 NSKGC đạt tỷ lệ ra rễ là 95%, lúc này rễ dài hơn, khoảng 4-5 cm, đã hình thành bộ



Ghi chú: a) Sau 20 ngày; b) Sau 25 ngày; c) Sau 30 ngày.

Hình 4. Rễ của cành giâm hoa hồng sau 20-30 ngày

rễ chùm của hoa hồng, rễ chính đã có màu ngà vàng và rễ tơ phía ngoài có màu trắng (Hình 4.c).

- Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây:

+ Chuẩn bị giá thể trồng và trồng:

Sau khi cành giâm đã ra rễ, 30 NSKGC, tiến hành tháo bọc, cho cành giâm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng (xả nắng) 5 ngày để cây thích nghi thì tiến hành đem đi trồng.

Giá thể trồng được chuẩn bị bao gồm: rơm mục, tro, trấu tỉ lệ 5:1:1 cùng với 17 kg phân hữu cơ (cho 250 chậu), trộn đều và cho vào chậu 8, chỉ cho giá thể vào 2/3 chậu.

Trước khi trồng phải lấy cây ra khỏi bầu giâm bằng cách tay phải giữ cây ở mặt trên của bầu mà lật ngược lại, tay trái rút bầu. Khi trồng cây, phải trồng vào giữa chậu, nên trồng cây thẳng đứng sẽ giúp cây tránh đổ ngã, nhận được ánh sáng, thuận lợi cho quá trình trao đổi chất của cây. Mỗi chậu chỉ trồng 1 cành giâm. Dùng tay khoét một lỗ tròn bằng với bầu cành giâm rồi để bầu giâm vào và lấp giá thể lại, không lấp kín chỉ lấp nhẹ vừa phủ.

+ Bón phân:

Sau khi cành giâm được trồng vào chậu, cây được bón phân từ ngày thứ 3.

(1) Giai đoạn đầu, tập trung kích rễ cho cây, ngày thứ 3 sau khi trồng (SKT) tiến hành tưới kích thích rễ với 30-10-10 (200g) + N3M (50g)/50 lít nước.

(2) Định kì (7 ngày một lần, tức là vào những ngày 11, 18, 25 và 32 SKT) bổ sung dinh dưỡng bằng cách bón vào gốc, 30-10-10 (0,5 kg) + Super Lân (2kg)/ 250 chậu, tránh để phân sát gốc. Ngoài ra:

(3) Ngày thứ 10 (coi đợt lần 1): Phun kích đợt bằng phân bón lá 33-11-11 (10g/10 lít nước).

(4) Ngày thứ 20: phân hữu cơ NARITA 55 (5kg / 250 chậu).

(5) Ngày thứ 26: Phun kích đợt bằng phân bón lá 33-11-11 (10g/10 lít nước).

(6) Ngày thứ 35 (coi đợt lần 2): Sử dụng các loại phân bón để dưỡng đợt nuôi hoa, 10-60-10 (10g/10 lít nước).

(7) Ngày thứ 40: Phun 20-30-20 (10g/10 lít nước).

(8) Các ngày 39, 46 và 53 SKT: rải 30-10-10 (1kg) + Super Lân (3kg)/ 250 chậu.

+ Quản lý sâu bệnh:

Cây hoa hồng đỏ siêu bông trong nghiên cứu đã được chăm sóc và phát triển rất tốt. Cây được phun ngừa bệnh thán thư và bọ trĩ bằng Rocksai (10 ml) + Physan lạnh (8 ml)/ 10 lít nước ở ngày thứ 26 SKT.

+ Quản lý nước:

Cung cấp nước cho cây 2 lần/ngày. Cây hoa hồng sau khi trồng được tưới bằng hệ thống tưới tự động. Cây non không cần tưới



Ghi chú: a) Nhú "cựa gà"; b) Bung đọt

Hình 5. Hiện tượng sau khi coi đọt

quá nhiều nước, trung bình chỉ tưới 200-300 ml/lần tưới. Kiểm tra vườn thường xuyên và tưới thủ công ở những thời điểm nắng nóng.

+ Tỷ lệ chết cây con:

Cành giâm sau khi được trồng, tất cả đều có sức sống tốt, tỷ lệ sống là 100%.

- Coi đọt:

Coi đọt tức là cắt ngọn, cho cây ra nhiều đọt mới, có nhiều bông. Trong nghiên cứu, đã thực hiện 2 lần coi đọt. Khi coi đọt cần đưa kéo vào sát sát lá thứ 4 hoặc thứ 5 từ dưới đếm lên của cây, cắt ngang dứt khoát.

+ *Coi đọt lần thứ nhất*: Mục đích là nuôi thân chính. Đến 3 ngày sau khi coi đọt lần 1, cây đã bắt đầu nhú "cựa gà", và bung đọt ở ngày thứ 10.



Hình 6. Cây hoa hồng "vô bắp hoa" được 7 ngày



Ghi chú: a) Ngày thứ 10 sau khi trồng;
b) Ngày thứ 60 sau khi trồng

Hình 12. Chiều cao của cây hoa hồng trong thí nghiệm

+ *Coi đọt lần thứ hai*: Coi đọt lần 2 chủ yếu là dưỡng đọt nuôi hoa. Tương tự như ở đọt coi đọt lần 1, sau 3 ngày coi đọt lần 2, cây hoa hồng bắt đầu nhú cựa gà (Hình 5.a) và 1 tuần sau tược non đã ra dài hơn và bắt đầu bung ra những lá non đầu tiên (Hình 5.b). Sau đó tiếp tục phát triển và trở thành cành mang hoa.

- Ngày cây nhú bông:

Trong nghiên cứu đã thực hiện 2 lần coi đọt và sau mỗi lần coi cây đều cho hoa, nhưng chỉ sau coi đọt lần 2, cành mới được giữ lại, phát triển và trở thành cành mang hoa.

Đến ngày thứ 10 sau khi coi đọt lần 2, các cành hoa hồng đã bắt đầu có hiện tượng "vô bắp" ở ngọn, 7 ngày tiếp theo hiện tượng vô bắp sẽ thấy rõ ràng hơn (Hình 6). Đến ngày thứ 25 thì cây hoa hồng bắt đầu có hoa, cùng với đó là chiều dài của cành mới sẽ dài hơn.

"Xem tiếp trang 31"

CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH AN GIANG

ThS. Phan Văn Kiến

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang

Xây dựng nông thôn mới là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta nhằm phát triển nông thôn một cách bền vững. Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn nêu rõ: “*Phát triển khoa học - công nghệ phải trở thành khâu đột phá để phát triển nông nghiệp hiện đại và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn*”. Khoa học và công nghệ và các nhà khoa học là cầu nối để đưa nhanh các tiến bộ KH&CN vào đời sống sản xuất nhằm góp phần tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, tăng sản lượng hàng hóa, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Ngày 02/8/2022, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 923/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Điều này đã khẳng định KH&CN có vai trò quan trọng trong tiến trình xây dựng nông thôn mới của cả nước.

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Sở KH&CN phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và tham mưu UBND tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 về phê duyệt Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn

mới tỉnh An Giang đến năm 2025, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu:

(1) Nghiên cứu hoàn thiện và đổi mới cơ chế, chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; (2) Nghiên cứu các giải pháp phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn bền vững; (3) Xây dựng mô hình nông thôn mới trên cơ sở ứng dụng các giải pháp KH&CN để phát triển kinh tế, xã hội; (4) Thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới.

Trong thời gian qua, công tác triển khai Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 đạt được một số kết quả chủ yếu như sau:

a) Sở KH&CN đã phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố tổ chức 07 lớp tập huấn¹ lồng ghép tuyên truyền chính sách về hỗ trợ nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới tỉnh An Giang đến năm 2025; hướng dẫn các quy trình, thủ tục đề xuất, triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình cho hơn 1.200 đại biểu tham dự. Thông qua lớp tập huấn đã giúp cán bộ quản lý, hợp tác xã, tổ hợp tác nâng cao nhận thức, tiếp cận chính sách hỗ trợ từ KH&CN.

¹ Tại địa bàn: thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu, huyện: Tịnh Biên, An Phú, Phú Tân, Tri Tôn.



Hội đồng tư vấn, xét duyệt nhiệm vụ KH&CN

b) Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN: Trên cơ sở tổ chức thực hiện Quyết định số 3029/QĐ-UBND, Sở KH&CN đã phát hành thông báo đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN các cấp.

- **Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia:** Tham mưu UBND tỉnh đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia “Theo dõi sự tăng trưởng chiều cao cây lúa bằng hệ thống quét laser không người lái”, với mục tiêu: xây dựng hệ thống dữ liệu, ứng dụng các công nghệ giám sát để hỗ trợ người canh tác theo dõi, chăm sóc cây lúa phát triển theo đúng chu trình tăng trưởng tốt nhất.

- **Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:** UBND tỉnh phê duyệt đề tài: “Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình trồng hoa phục vụ du lịch tại tỉnh An Giang”, với mục tiêu cụ thể:

⁽¹⁾Chuyển giao, tiếp nhận được các quy trình công nghệ sản xuất 06 loài hoa phù hợp với điều kiện canh tác tại tỉnh An Giang;

⁽²⁾Xây dựng được mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất 06 loài hoa phục vụ phát triển du lịch, trong đó ưu tiên phát triển các loài hoa cắt cành tạo

cảnh quan phục vụ du lịch góp phần tăng giá trị của sản phẩm hoa, nâng cao thu nhập cho người dân trồng hoa;

⁽³⁾Đào tạo, tập huấn được ít nhất 120 lượt người về quy trình kỹ thuật sản xuất 06 loài hoa.

Đề tài do ThS. Nguyễn Huỳnh Hoa Lý chủ nhiệm, Trung tâm Công nghệ sinh học An Giang chủ trì.

- **Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:** Sở KH&CN triển khai 05 đề tài:

+ Đề tài “Đánh giá khả năng thích nghi của hoa trà my trồng ở điều kiện khí hậu thị xã Tịnh Biên”, với mục tiêu:

⁽¹⁾Chọn được ít nhất 02 giống hoa trà my có khả năng thích nghi (nở hoa vào dịp tết; chất lượng hoa về đường kính và màu sắc hoa tương đương so với hoa trà my được trồng ở địa điểm, vùng thu thập giống) với điều kiện khí hậu của vùng Núi Cấm (thị xã Tịnh Biên);

⁽²⁾Xây dựng được mô hình trồng hoa trà my diện tích 200m².

Đề tài do ThS. Nguyễn Văn Toàn chủ nhiệm, Trung tâm Công nghệ sinh học An Giang chủ trì.

- Đề tài “Nghiên cứu sản xuất phân hữu cơ từ nguyên liệu lục bình sử dụng trong sản xuất rau, màu”, với mục tiêu:



Cây lục bình trên một kênh, rạch tại An Giang



Sản phẩm chà bông lươn

⁽¹⁾Xây dựng được quy trình sản xuất phân hữu cơ (compost) từ nguyên liệu lục bình với giá thành thấp hơn tối thiểu 20% so với sản phẩm cùng loại (phân compost) trên thị trường;

⁽²⁾Đánh giá hiệu quả phân hữu cơ trong điều kiện thực tế sản xuất trên đối tượng cải ngọt;

⁽³⁾Tổ chức 01 lớp tập huấn quy trình kỹ thuật sản xuất, canh tác cho người dân trên địa bàn nghiên cứu.

Đề tài do ThS. Nguyễn Ngọc Giàu chủ nhiệm, Trung tâm Công nghệ sinh học An Giang chủ trì.

- Đề tài “Nghiên cứu sản xuất giá thể phục vụ trồng trọt từ bùn đáy ao nuôi cá tra ở tỉnh An Giang”, với mục tiêu:

⁽¹⁾Xây dựng được quy trình sản xuất giá thể từ bùn thải đáy ao nuôi cá tra bằng chế phẩm vi sinh;

⁽²⁾Xây dựng mô hình sản xuất giá thể từ bùn thải đáy ao nuôi cá tra bằng chế phẩm vi sinh;

⁽³⁾Đánh giá hiệu quả của sản phẩm giá thể từ bùn thải đáy ao nuôi cá tra trong điều kiện canh tác cải ngọt.

Đề tài do ThS. Nguyễn Trường Quân chủ nhiệm, Trung tâm Công nghệ sinh học An Giang chủ trì.

+ Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy trình chế biến khô lươn tẩm vị ăn liền và chà bông lươn”, với mục tiêu:

⁽¹⁾Nghiên cứu xây dựng quy trình chế biến khô lươn tẩm vị ăn liền đạt tiêu chuẩn cơ sở theo quy định hiện hành (nhóm cảm quan, hoá lý, vi sinh);

⁽²⁾Nghiên cứu xây dựng quy trình chế biến chà bông lươn ăn liền đạt tiêu chuẩn cơ sở theo quy định hiện hành (nhóm cảm quan, hoá lý, vi sinh), bảo quản ở nhiệt độ thường trong thời gian từ 3 đến 6 tháng.

Đề tài do ThS. Trịnh Thanh Duy (Trường Đại học An Giang) chủ nhiệm, Trung tâm Khuyến nông huyện Châu Phú chủ trì.

+ Đề tài “Nghiên cứu sản xuất giá thể từ phân chim yến phục vụ trồng trọt trên địa bàn thị xã Tịnh Biên”, với mục tiêu:

⁽¹⁾Nghiên cứu sản xuất giá thể từ phân chim yến, vỏ trái thốt nốt và rơm xay nhuyễn bằng chế phẩm vi sinh;

⁽²⁾Đánh giá hiệu quả sản phẩm giá thể (từ phân chim yến, vỏ trái thốt nốt và rơm xay nhuyễn) so với sản phẩm thương mại có cùng công dụng trên thị trường trong canh tác cây cải ngọt.

Đề tài do ThS. Lê Văn Thành chủ nhiệm, Trung tâm Khuyến nông thị xã Tịnh Biên chủ trì.



Sản phẩm giá thể (từ phân chim yến, vỏ trái thốt nốt và rơm) trong canh tác cây cải ngọt

+ Đề tài “*Nghiên cứu chế biến sản phẩm trà đóng chai từ trái táo hồng quân*” do KS. Nguyễn Thị Phương Loan, Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp An Giang chủ trì.

Kết quả đề tài góp phần thực hiện tiêu chí số 10 (thu nhập), tiêu chí số 13 (tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn), tiêu chí số 17 (môi trường và an toàn thực phẩm)... trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang). Kết quả sau khi nghiệm thu sẽ chuyển giao cho Trung tâm Công nghệ sinh học, Trung tâm Khuyến nông, Hội Nông dân, Hợp tác xã và các tổ chức, người dân trên địa bàn tỉnh có yêu cầu ứng dụng và nhân rộng theo quy định hiện hành.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế sau: Việc đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN các cấp thuộc Chương trình chưa có nhiều đề xuất nhiều từ các đơn vị, địa phương. Kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở còn thấp nên chưa thu hút sự quan tâm, đề xuất của các đơn vị, tổ chức. Do đặc thù các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, phần lớn có thời gian thực hiện dài (thường từ 18-24 tháng), nguồn vốn Chương trình phải quyết toán trong năm, vì vậy việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN còn gặp nhiều khó khăn.

Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới:

- Tiếp tục nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 3029/QĐ-UBND và các văn bản có liên quan thông qua hội nghị, hội thảo và các kênh truyền thông đại chúng; triển khai hiệu quả Chương trình, bám sát mục tiêu, giải pháp theo Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 và Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh, trong đó tập trung hoàn thành các nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt, công nhận kết quả và triển khai ứng dụng, nhân rộng.

- Phối hợp với các viện, trường, các ngành, địa phương trong việc đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN nhằm giải quyết các yêu cầu đặt ra của các đơn vị trong thực Chương trình, trong đó ưu tiên chọn lựa các nhiệm vụ KH&CN dưới dạng dự án ứng dụng để triển khai nhân rộng kết quả nghiên cứu bằng các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất ở các xã nông thôn mới và các vùng sản xuất lớn, tập trung của tỉnh gắn với tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Tiếp tục hỗ trợ các địa phương thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có tính cấp thiết, khả thi cao, tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp phục vụ trực tiếp xây dựng nông thôn mới tại địa phương./.



NGHIÊN CỨU NGUY CƠ TRẦM CẢM SAU SINH VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở PHỤ NỮ CÓ CON DƯỚI 6 THÁNG TUỔI TẠI TỈNH AN GIANG NĂM 2023 – 2024

ThS. BS. Trần Võ Huỳnh Nghĩa Nhân, ThS. BS. Từ Lan Vy và cộng sự¹

1. Đặt vấn đề:

Trầm cảm sau sinh (TCSS) là một vấn đề sức khỏe tâm thần phổ biến ở phụ nữ sau khi sinh con, ảnh hưởng không chỉ đến sức khỏe của người mẹ mà còn đến sự phát triển của trẻ và hạnh phúc gia đình [1]. Bà mẹ bị trầm cảm thường có những cảm xúc tiêu cực như buồn phiền, lo âu, căng thẳng, dễ cáu gắt... nghiêm trọng hơn, họ có thể xuất hiện ý định tự tử, tự hủy hoại bản thân và con của họ [2].

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), ước tính đến năm 2030, trầm cảm sẽ là nguyên nhân đứng thứ nhất về gánh nặng bệnh tật cho y tế toàn cầu [3]. Tỷ lệ trầm cảm sau sinh ở phụ nữ sau sinh dao động từ 10% - 20% [4]. Yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến trầm cảm bao gồm có thai ngoài ý muốn, thiếu sự hỗ trợ xã hội, tiền sử thai chết lưu, tiền sử lo âu và tiền sử trầm cảm [5]. Tại Việt Nam, theo báo cáo Bộ Y tế thì trầm cảm đứng thứ ba sau tim mạch và ung thư về gánh nặng bệnh tật [6]. Sức khỏe tâm thần của người dân đặc biệt là đối tượng nhạy cảm như phụ nữ sau sinh tại cộng đồng cần được quan tâm đúng mức để có thể phát hiện sớm các dấu hiệu của bệnh.

Trong bối cảnh hệ thống chăm sóc sức khỏe tâm thần tại tỉnh An Giang còn nhiều



ảnh minh họa, Trầm cảm sau sinh ở phụ nữ

hạn chế, đặc biệt là sự thiếu hụt các nghiên cứu chuyên sâu về rối loạn sức khỏe tâm thần ở phụ nữ sau sinh. Sự thiếu hụt này gây cản trở đáng kể đến quá trình hoạch định chính sách y tế và xây dựng các chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản toàn diện. Nghiên cứu này được tiến hành nhằm cung cấp dữ liệu thực nghiệm về tỷ lệ nguy cơ mắc TCSS và xác định các yếu tố nguy cơ liên quan ở phụ nữ có con dưới 6 tháng tuổi tại An Giang.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:

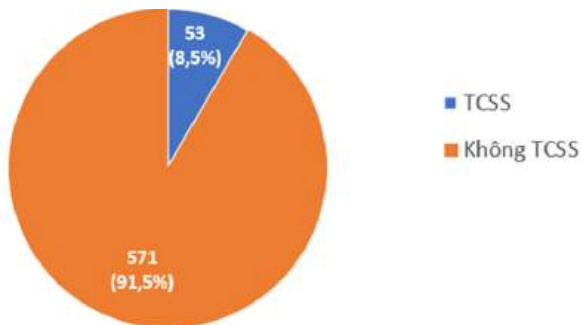
Nghiên cứu này được thiết kế theo phương pháp mô tả cắt ngang phân tích trên 624 phụ nữ có con từ 0 đến 6 tháng tuổi đang sinh sống trên địa bàn tỉnh An Giang trong khoảng thời gian từ năm 2023 đến 2024.

¹ ThS. Lê Long Hồ, BS. CKII. Dương Anh Linh, ThS. Lê Hồng Thái, ThS. Nguyễn Thị Thái Thanh, BS. Nguyễn Thị Minh Triết, BS. Nguyễn Thúc Bích Vân, DS. Trần Võ Huỳnh Mai Thảo

Phương pháp chọn ngẫu nhiên bao gồm nhiều giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên, chọn ngẫu nhiên 04 huyện/thị xã/thành phố (An Phú, Chợ Mới, Tân Châu và Long Xuyên). Giai đoạn thứ hai, chọn ngẫu nhiên 03 xã/phường thuộc 04 huyện/thị xã/thành phố đã được chọn. Giai đoạn cuối cùng, chọn ngẫu nhiên 52 phụ nữ sau sinh có con dưới 06 tháng tuổi tại mỗi xã/phường dựa trên danh sách quản lý để tiến hành phỏng vấn. Bộ công cụ Edinburgh Postnatal Depression Scale (EPDS) được sử dụng để đánh giá nguy cơ trầm cảm sau sinh. Nội dung nghiên cứu bao gồm thu thập thông tin về đặc điểm nhân khẩu học, tỷ lệ hiện mắc trầm cảm sau sinh và các yếu tố liên quan. Các yếu tố liên quan đến trầm cảm sau sinh được phân tích bằng kiểm định Chi bình phương và hồi quy logistic đa biến.

3. Kết quả nghiên cứu:

a. Tỷ lệ nguy cơ trầm cảm sau sinh ở phụ nữ có con dưới 6 tháng tuổi:



Tỷ lệ nguy cơ trầm cảm sau sinh ở phụ nữ

Tỷ lệ nguy cơ trầm cảm sau sinh ở phụ nữ có con dưới 6 tháng tuổi tại tỉnh An Giang là 8,5% (EPDS ≥ 13 điểm). Tỷ lệ này tương đồng với một số nghiên cứu gần đây tại Việt Nam [7], [8], song có sự khác biệt so với các nghiên cứu ở Cần Thơ và

thấp hơn đáng kể so với báo cáo của Bộ Y tế với tỷ lệ trầm cảm sau sinh lên đến [9], [10]. Sự khác biệt về tỷ lệ TCSS có thể do nhiều yếu tố, bao gồm phương pháp nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, khu vực địa lý, thời điểm đánh giá sau sinh và các yếu tố văn hóa xã hội. Mặc dù tỷ lệ TCSS không quá cao so với một số nghiên cứu trước đây ở Việt Nam, tuy nhiên, tỷ lệ này cho thấy rằng TCSS là vấn đề sức khỏe cộng đồng cần được quan tâm và giải quyết.

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng trầm cảm sau sinh

	Đặc điểm	Tần số/tỷ lệ		Đặc điểm	Tần số/tỷ lệ
Nhóm tuổi	< 25 tuổi	13 (24,5)	Học vấn	Dưới THCS	13 (24,5)
	25-35 tuổi	32 (60,4)		THCS-THPT	31 (58,5)
	> 35 tuổi	8 (15,1)		Trên THPT	9 (17,0)
Nghề nghiệp	Thất nghiệp	3 (5,7)	Nơi sống	Nông thôn	21 (39,6)
	Lao động chân tay	42 (79,2)		Thành thị	32 (60,4)
	Lao động trí óc	8 (15,1)		Tổng số	53 (100)

Để giảm thiểu TCSS một cách hiệu quả, cần tập trung vào nhóm phụ nữ có nguy cơ cao, bao gồm độ tuổi sinh sản (25-35 tuổi), trình độ học vấn thấp, sống ở thành thị và làm công việc lao động chân tay. Các yếu tố kinh tế xã hội, áp lực cuộc sống và thiếu sự hỗ trợ xã hội góp phần làm tăng nguy cơ TCSS. Do đó, cần có các chương trình hỗ trợ tài chính cho phụ nữ lao động chân tay, đặc biệt là trong thời gian nghỉ sinh và tăng cường mạng lưới hỗ trợ cộng đồng cho phụ nữ sống ở thành thị. Sự phối hợp giữa các ngành y tế, lao động, giáo dục và xã hội để giải quyết vấn đề một cách toàn diện. Đồng thời, cần tiếp tục nghiên cứu để xác định các yếu tố nguy cơ và biện pháp can thiệp hiệu quả.

b. Các yếu tố liên quan đến nguy cơ trầm cảm sau sinh:**Bảng 2. Các yếu tố liên quan đến nguy cơ trầm cảm sau sinh ở các bà mẹ**

Đặc điểm	Nguy cơ TCSS		Phân tích đơn biến		Hồi qui đa biến	
	Có n (%)	Không n (%)	OR (KTC 95%)	P	OR (KTC 95%)	P
Hôn nhân						
Ly dị/Ly thân/góa	8 (33,3)	16 (66,7)	6,17 (2,50 – 15,19)	<0,001*	4,23 (1,31 – 13,73)	0,016
Sống chung với chồng	45 (7,5)	555 (92,5)				
Tiền sử bà mẹ có điều trị bệnh tâm lý/trầm cảm						
Có	8 (57,1)	6 (42,9)	16,74	<0,001	7,33 (1,86 – 28,88)	0,004
Không	45 (7,4)	565 (92,6)	(5,57 – 50,35)			
Giới tính trẻ như mong đợi						
Không	23 (16,9)	113 (83,1)	3,11	<0,001	2,22 (1,08 – 4,59)	0,031
Có	30 (6,1)	458 (93,9)	(1,74 – 5,56)			
Hỗ trợ bà mẹ chăm sóc trẻ						
Không	21 (28,4)	53 (71,6)	6,41	<0,001	2,63 (1,20 – 5,76)	0,016
Có	32 (5,8)	518 (94,2)	(3,46 – 11,91)			
Mất ngủ sau sinh						
Thường xuyên	27 (37,5)	45 (62,5)	-	-	-	-
Thỉnh thoảng	17 (8,0)	196 (92,0)	0,15 (0,07 – 0,29)	<0,001	0,21 (0,10 – 0,47)	<0,001
Không	9 (2,7)	330 (97,3)	0,05 (0,02 – 0,10)	<0,001	0,13 (0,05 – 0,33)	<0,001
Bà mẹ giảm ham muốn gần gũi với chồng						
Có	42 (22,7)	143 (77,3)	11,43	<0,001	6,22 (2,85 – 13,60)	<0,001
Không	11 (2,5)	428 (97,5)	(5,73 – 22,79)			

Chúng tôi sử dụng mô hình hồi quy logistic đa biến nhằm loại trừ các biến số nhiễu, đồng thời tìm ra mô hình dự đoán trầm cảm sau sinh với phương pháp kiểm định Forward: Conditional. Mô hình hồi quy logistic được xây dựng bao gồm 25 yếu tố ($p < 0,05$). Sau khi phân tích, chúng tôi ghi nhận được 06 yếu tố thật sự có ý nghĩa thống kê, bao gồm: hôn nhân, tiền sử bà mẹ có điều trị bệnh tâm lý/trầm cảm, giới tính trẻ như mong đợi, hỗ trợ bà mẹ chăm sóc trẻ, bà mẹ mất ngủ sau sinh, bà mẹ giảm ham muốn gần gũi với chồng. Nghiên cứu ghi nhận được các giá trị -2 Log likelihood, giá trị Cox & Snell R Square và Nagelkerke R Square, Hosmer and Lemeshow Test thể hiện khả năng giải thích của mô hình đối với biến phụ thuộc (trầm cảm sau sinh).

Nghiên cứu đã cung cấp thêm bằng chứng khoa học về các yếu tố nguy cơ của TCSS. Việc xác định được các yếu tố nguy cơ này có ý nghĩa quan trọng trong việc sàng lọc, phát hiện sớm và can thiệp kịp thời để phòng ngừa và điều trị TCSS, góp phần bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

4. Kết luận và khuyến nghị:

Từ nghiên cứu trên, có thể thấy tỷ lệ nguy cơ TCSS chiếm 8,5% là một vấn đề sức khỏe tâm thần đáng lưu ý ở phụ nữ sau sinh tại An Giang. Tình trạng này không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe của người mẹ mà còn tác động tiêu

cực đến sự phát triển của trẻ và hạnh phúc gia đình. Các yếu tố nguy cơ của TCSS, bao gồm: tình trạng hôn nhân, tiền sử điều trị bệnh tâm lý/trầm cảm, giới tính của trẻ không như mong đợi, thiếu sự hỗ trợ chăm sóc trẻ, mất ngủ sau sinh và giảm ham muốn gần gũi với chồng. Để giải quyết vấn đề này, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan y tế, gia đình và cộng đồng trong việc nâng cao nhận thức, sàng lọc và can thiệp sớm, cung cấp dịch vụ hỗ trợ tâm lý và tăng cường sự hỗ trợ từ gia đình và xã hội cho phụ nữ sau sinh. Đồng thời, cần có các chính sách hỗ trợ tài chính và tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ sau sinh để giảm bớt áp lực kinh tế và công việc, từ đó giảm thiểu nguy cơ trầm cảm sau sinh./.

KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ, CHỦ NHIỆM VÀ XÉT DUYỆT HỒ SƠ THUYẾT MINH NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH NĂM 2024 - 2025

Phòng Quản lý Khoa học

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang

Thực hiện quy trình quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Khoa học và Công nghệ vừa tổ chức các hội đồng KH&CN cấp tỉnh tư vấn tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và xét duyệt hồ sơ thuyết minh các nhiệm vụ, kết quả tuyển chọn 06 nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Tên nhiệm vụ: *Nghiên cứu phát triển mô hình Chợ quê gắn liền với phát triển du lịch cộng đồng tỉnh An Giang*

a. Mục tiêu:

- **Mục tiêu chung:** Xây dựng mô hình Chợ quê có tính điển hình, trở thành điểm du lịch hấp dẫn cho các vùng nông thôn có bề dày văn hóa, phong tục tập quán và giá trị lịch sử lâu đời... nhằm phát huy tính bền vững cho du lịch cộng đồng và tạo điểm vui chơi, giải trí, mua sắm, trao đổi hàng hóa đặc sản để thúc đẩy kinh tế cho địa phương. Tạo điểm nhấn quan trọng cho thiết chế phát triển không gian cộng đồng gắn liền với văn hóa, lịch sử và du lịch ở nông thôn tại tỉnh An Giang.

- **Mục tiêu cụ thể:**

(1) Tổng quan cơ sở lý luận về du lịch cộng đồng gắn liền với địa phương có bề dày văn hóa, phong tục tập quán và giá trị lịch sử.

(2) Nghiên cứu đánh giá thực trạng mô hình du lịch thông qua Chợ quê.

(3) Đề xuất các giải pháp xây dựng mô hình Chợ quê thành điểm du lịch cộng đồng.

+ Xây dựng các tiêu chuẩn mô hình Chợ quê trở thành điểm du lịch địa phương.

- Xây dựng quản trị mô hình Chợ quê.

- Xây dựng tiêu chuẩn về tính văn hóa, lịch sử gắn liền với các sản phẩm truyền thống.

- Xây dựng quy hoạch không gian, thiết kế và quảng bá thương hiệu mô hình Chợ quê trở thành điểm du lịch cho các vùng nông thôn.

+ Xây dựng hoạt động tiêu biểu đáp ứng tiêu chuẩn mô hình Chợ quê.

- Hoạt động về ẩm thực truyền thống địa phương;

- Hoạt động buôn bán sản phẩm truyền thống địa phương;

- Hoạt động âm nhạc truyền thống địa phương;

- Hoạt động vui chơi giải trí mang tính địa phương;

- Xây dựng tuyến du lịch gắn liền Chợ quê.

+ Thúc đẩy sự đa dạng hóa trong du lịch cộng đồng tỉnh An Giang hiện nay, khai thác và định hướng phát triển kinh tế gắn liền với trao đổi các sản phẩm truyền thống địa phương và góp phần nâng cao hưởng thụ văn hóa, ẩm thực vui chơi giải trí tại địa phương.

b. Sản phẩm:

- 03 bản thiết kế demo và mô hình Chợ quê (bản vẽ chi tiết theo quy hoạch các mô hình Chợ quê - dạng 2D và 3D).

- 01 mô hình triển khai thực tế.

- Bộ nhận diện thương hiệu cho mô hình Chợ quê (hình ảnh (logo), khẩu hiệu (slogan), bao bì (packaging), bộ nhận diện thương hiệu văn phòng).

- Video quảng cáo (Clip TVC), Video lan truyền (clip viral) cho mô hình chợ quê.

- 01 trang truyền thông thông qua mạng xã hội về giới thiệu mô hình chợ quê.

- 01 bài báo khoa học đăng tạp chí khoa học chuyên ngành.

- Kế hoạch 05 năm cho đơn vị tiếp nhận ứng dụng kết quả đề tài.

c. Đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm:

- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Cần Thơ;

- Cá nhân chủ nhiệm: TS. Lê Thị Tố Quyên.

2. Tên nhiệm vụ: *Hệ thống giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ tại An Giang*

a. Mục tiêu:

- **Mục tiêu chung:** Nghiên cứu đề xuất mô hình và khuyến nghị các giải pháp giúp nâng cao giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Nghiên cứu thực trạng công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Tính sẵn có và tính khả thi của công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ tại tỉnh An Giang.

+ Đề xuất mô hình và các khuyến nghị giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ.

b. Sản phẩm:

- 02 mô hình giáo dục trẻ tự kỷ ở gia đình, nhà trường và xã hội.

- Giải pháp khuyến nghị nâng cao giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ trên địa bàn tỉnh An Giang.

- 01 bài báo khoa học đăng tạp chí khoa học chuyên ngành.

- Sách chuyên khảo về giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ.

- Kế hoạch 05 năm cho đơn vị tiếp nhận ứng dụng kết quả đề tài.

c. Đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm:

- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

- Cá nhân chủ nhiệm: NCS. ThS. BS. Trần Thiện Thắng.

3. Tên nhiệm vụ: *Nghiên cứu xác định đặc điểm chung, nguyên nhân phát sinh tội phạm “Cố ý gây thương tích” trên địa bàn tỉnh An Giang và đề xuất giải pháp khắc phục*

a. Mục tiêu: Phản ánh thực trạng phát sinh loại tội phạm cố ý gây thương tích nói riêng và tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người nói chung, hiện nay ngày càng phát sinh tăng về số vụ cũng như đối tượng phạm tội; người phạm tội ngày càng trẻ quá về độ tuổi, có chiều hướng tụ tập băng nhóm hành xử theo kiểu xã hội đen, sử dụng nhiều hung khí, vũ khí nguy hiểm (dao tự chế, kiếm nhật, súng...), vô cớ xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người, thể hiện tính côn đồ, hung hãn, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội

trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm “*Cố ý gây thương tích*” trên địa bàn tỉnh An Giang.

b. Sản phẩm:

- Báo cáo thực trạng tình hình tội phạm liên quan đến tội phạm cố ý gây thương tích, tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

- Báo cáo phân tích nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm.

- Báo cáo phân tích cơ cấu độ tuổi của người phạm tội.

- Giải pháp khắc phục những nguyên nhân phát sinh tội phạm.

- Kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- Bài báo khoa học được đăng trên tạp chí chuyên ngành.

c. Đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm:

- Tổ chức chủ trì: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;

- Cá nhân chủ nhiệm: TS. Huỳnh Đông Bắc

4. Tên nhiệm vụ: *Nghiên cứu quy trình sản xuất nấm nội cộng sinh (Arbuscular mycorrhizal - AM) và ứng dụng trong canh tác lúa tại tỉnh An Giang phù hợp với biến đổi khí hậu*

a. Mục tiêu:

- **Mục tiêu chung:** Ứng dụng công nghệ vi sinh để xây dựng quy trình nhân sinh khối và quy trình sử dụng nấm nội cộng sinh (Arbuscular mycorrhiza - AM) trong

canh tác lúa nhằm làm giảm lượng phân bón, tăng sức đề kháng và làm giảm lượng phát thải khí nhà kính, góp phần phát triển lúa gạo bền vững tại tỉnh An Giang.

- Mục tiêu cụ thể:

- + Phân lập, tuyển chọn các dòng nấm nội cộng sinh (Arbuscular mycorrhiza - AM) bản địa phù hợp với khí hậu tỉnh An Giang.

- + Điều tra, đánh giá lượng phát thải nhà kính tại các vùng canh tác lúa thuộc tỉnh An Giang.

- + Xây dựng quy trình nhân sinh khối nấm nội cộng sinh bản địa phù hợp cho canh tác lúa.

- + Xây dựng quy trình ứng dụng nấm nội cộng sinh bản địa trên cây lúa nhằm giảm lượng phân bón, tăng sức đề kháng và giảm phát thải khí nhà kính tại tỉnh An Giang.

b. Sản phẩm:

- Bộ giống AM bản địa (ít nhất 05 loài AM phù hợp cho cây lúa vùng An Giang).

- Quy trình nhân sinh khối nấm AM bản địa.

- Quy trình sử dụng nấm AM cho canh tác cây lúa phù hợp khí hậu tỉnh An Giang.

- 01 mô hình trồng lúa sử dụng nấm AM (quy mô 01ha/vụ x 03 vụ).

- Chế phẩm gốc nấm AM (số lượng tương ứng quy mô công suất quy trình nghiên cứu).

- Hồ sơ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm nấm AM hoặc quy trình sử dụng nấm AM trên cây lúa (được Cục Sở Hữu trí tuệ chấp nhận đơn hợp lệ).

- Hỗ trợ đào 01 học viên cao học cho tỉnh An Giang.

- Kế hoạch 05 năm cho đơn vị tiếp nhận ứng dụng kết quả đề tài.

c. Đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm:

- Tổ chức chủ trì: Viện Nghiên cứu Công nghệ sinh học và Môi trường TP.HCM;

- Cá nhân chủ nhiệm: TS. Trương Phước Thiên Hoàng.

5. Tên nhiệm vụ: *Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ lâm sản phục vụ cho việc truy xuất nguồn gốc lâm sản tại tỉnh An Giang*

a. Mục tiêu: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

b. Sản phẩm:

- Hệ thống phần mềm quản lý động, thực vật hoang dã, gỗ và sản phẩm gỗ (CSDL tuân thủ các tiêu chuẩn/quy chuẩn chung để đáp ứng yêu cầu của tổ chức cần truy xuất nguồn gốc; CSDL có khả năng kết nối với CSDL của Bộ Khoa học và Công nghệ và các CSDL liên quan).

- Hệ thống nhận dạng tự động động vật, thực vật quý hiếm.

- Bản đồ GIS phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên.

- Phần mềm trên ứng dụng điện thoại di động (App Store và CH Play).

- Tài liệu hướng dẫn sử dụng.

c. Đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm:

- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học An Giang.

- Cá nhân chủ nhiệm: TS. Huỳnh Lý Thanh Nhân.

6. Tên nhiệm vụ: Tuyển chọn giống xoài có phẩm chất tốt và kiểu hình đẹp, thích nghi với điều kiện tự nhiên ở huyện An Phú, tỉnh An Giang

a. Mục tiêu:

- **Mục tiêu chung:** Tuyển chọn được giống xoài có phẩm chất tốt và kiểu hình đẹp, thích nghi với điều kiện tự nhiên ở huyện An Phú, tỉnh An Giang nhằm góp phần phát triển bền vững KT-XH của địa phương.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Tuyển chọn được giống xoài có phẩm chất tốt (mùi thơm, thịt trái màu vàng cam, ít xơ; vị ngọt.

+ Đăng ký bảo hộ tên giống xoài phù hợp theo quy định về sở hữu trí tuệ.

+ Xây dựng được quy trình sản xuất cây giống xoài đã tuyển chọn.

+ Xây dựng được quy trình canh tác giống xoài đã tuyển chọn.

b. Sản phẩm:

- Giống xoài mới có phẩm chất tốt:

+ Mùi thơm, thịt trái màu vàng cam, ít xơ;

+ Vị ngọt (độ Brix khoảng 21) xen chua nhẹ (vitamin C khoảng 77mg/100g ăn được);

+ Hàm lượng carotenoid khoảng 216µg/100g ăn được, hàm lượng đa lượng và vi lượng: P khoảng 10mg/100g ăn được, K khoảng 152,6mg/100g, Fe khoảng 3,1mg/100g, Cu khoảng 0,3 mg/100g)

+ Kiểu hình đẹp (trọng lượng trung bình của trái là 350g và hột là 16g; chiều dài:rộng trung bình của trái là 15:8,1cm và hột là 12,1:3,7g).

+ Thích nghi với điều kiện tự nhiên ở huyện An Phú (năng suất tối thiểu là 25 tấn/ha/năm đối với cây từ 05 năm tuổi trở lên).

- Đăng ký bảo hộ tên giống xoài phù hợp theo quy định về sở hữu trí tuệ (có văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc nộp hồ sơ đăng ký bảo hộ hợp lệ).

- Quy trình sản xuất cây giống xoài đã tuyển chọn và Quy trình canh tác đạt tiêu chuẩn cơ sở theo quy định.

- Phương án bảo tồn, duy trì, nhân rộng giống xoài sau tuyển chọn và bảo tồn nguồn gen tốt.

c. Đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm:

- Tổ chức chủ trì: Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang;

- Cá nhân chủ nhiệm: ThS. Phạm Danh Tướng./.

“Tiếp theo trang 19”

- Đặc tính nông học của cây:

Đặc tính nông học của cây ở 10, 20, 30, 40, 50 và 60 NSKT như sau:

- Cây phát triển tốt, đạt được độ cao cần thiết theo đúng nhu cầu thị trường. Ở ngày thứ 10 sau khi trồng (SKT), cây đạt chiều cao trung bình là 16 cm (Hình 7.a), đến ngày thứ 20 là 11,5 cm (do sau khi coi đợt lần thứ nhất). Chiều cao cây ở ngày thứ 60 là 33 cm (Hình 7.b).

- Số lá của các cây hoa hồng bắt đầu tăng từ giai đoạn 20 NSKT, lúc đầu chậm, sau đó nhanh dần. Số lá tăng qua các ngày khảo sát lần lượt là: 15,15, 21,30,55 và 65 lá (cùng với sự phát triển của hoa).

3. Kết luận:

Kỹ thuật giám canh trên giống hoa hồng đỏ siêu bông theo thí nghiệm có tỷ lệ chết canh giám là 30% và đạt tỷ lệ ra rễ là 95% ở giai đoạn 30 NSKGCC.

Cây con sau khi trồng sẽ coi đợt 2 lần. Ngày thứ 10 sau khi coi đợt lần 2, các cành hoa hồng bắt đầu có hiện tượng “vô bắp” ở ngọn, đến ngày thứ 25 thì cây hoa hồng bắt đầu có hoa; Chiều cao cây đạt theo yêu cầu thị trường 33 cm; Số lá đạt 65 lá./.

Tài liệu tham khảo:

Dương công Kiên, 2007. *Hoa Hồng kỹ thuật trồng, chăm sóc và trang trí*, NXB Nông Nghiệp, TP. HCM.

Đặng Văn Đông, Đinh Thế Lộc và Nguyễn Quang Thạch, 2002. *Cây hoa hồng và kỹ thuật trồng*. NXB Lao động xã hội, Hà Nội.

Quỳnh Liên, 2013. *Kỹ thuật trồng hoa*. NXB Thanh Niên .

NGÀY SỞ HỮU TRÍ TUỆ THẾ GIỚI 26/4/2025

SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ ÂM NHẠC: CẢM NHẬN NHỊP ĐIỆU CỦA SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Nhằm tôn vinh vai trò của sở hữu trí tuệ trong đời sống KT-XH, nâng cao nhận thức của cộng đồng về SHTT, Tổ chức SHTT thế giới (WIPO) đã chọn ngày 26 tháng 4 hằng năm là “Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới” (*IP Day*).

Năm 2025, WIPO đã công bố chủ đề của Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới là: Sở hữu trí tuệ và âm nhạc: Cảm nhận nhịp điệu của sở hữu trí tuệ (*IP and music: Feel the beat of IP*).

Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 2025 nêu bật cách sáng tạo và đổi mới, được hỗ trợ bởi quyền sở hữu trí tuệ, duy trì một bối cảnh âm nhạc thịnh vượng mang lại lợi ích cho mọi người, ở mọi nơi. Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm nay mời chúng ta khám phá cách quyền sở hữu trí tuệ và chính sách đổi mới trao quyền cho những người sáng tạo, nhà đổi mới và doanh nhân để mang đến những ý tưởng mới cho ngành công nghiệp âm nhạc, bảo vệ tác phẩm của các nhạc sĩ, nhà soạn nhạc, nghệ sĩ biểu diễn và tất cả những người định hình âm nhạc khiến chúng ta rung động.

Vào Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới, ngày 26 tháng 4, chúng ta tôn vinh những đóng góp của các nhà sáng tạo, nhà phát minh và doanh nhân đang vượt qua ranh giới của sự đổi mới và sáng tạo để tạo ra âm



Ảnh minh họa về Ngày Sở hữu trí tuệ 2025
(nguồn: <https://www.wipo.int/en/web/ipday/2025/index>).

nhạc giúp mọi người xích lại gần nhau hơn, khơi dậy những cảm xúc mạnh mẽ, thúc đẩy sự thay đổi và truyền cảm hứng cho một tương lai đổi mới hơn.

Hãy cùng tham gia lễ kỷ niệm #WorldIPDay! Chúng ta hãy cùng nhau tôn vinh ngôn ngữ âm nhạc phổ quát và những nhà sáng tạo, nhà phát minh và doanh nhân tài năng, những người tiếp tục phát triển âm thanh, phong cách và công nghệ mới định hình tương lai của âm nhạc và giúp chúng ta cảm nhận được nhịp đập của IP theo link dưới đây

<https://www.wipo.int/en/web/ipday/2025/index>.

TTr

ĐIỂM TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP HUYỆN THÁNG 01 - 02/2025

1. Thành phố Long Xuyên:

- Thành phố ban hành 05 kế hoạch, gồm: ⁽¹⁾Kế hoạch quản lý và phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố; ⁽²⁾Kế hoạch hoạt động KH&CN năm 2025; ⁽³⁾Kế hoạch thực hiện các mô hình dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố; ⁽⁴⁾Kế hoạch thực hiện Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới tỉnh An Giang đến năm 2025; ⁽⁵⁾Kế hoạch áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn thành phố Long Xuyên năm 2025.

- Tiếp tục triển khai các dự án thuộc Chương trình phối hợp giữa Đảng ủy Sở KH&CN với Thành ủy Long Xuyên giai đoạn 2021-2025 và các dự án theo Chương trình phối hợp năm 2025.

- Khảo sát, hướng dẫn và triển khai các chính sách hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở, doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị máy móc. Tổ chức Hội đồng xét duyệt sáng kiến đợt 2 năm 2024.

2. Thành phố Châu Đốc:

- Giám sát 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở: *"Nghiên cứu chế tạo nhựa phân hủy sinh học từ hỗn hợp tinh bột vảy cá định hướng ứng dụng màng bảo quản nông sản"*. Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp đăng ký thương hiệu.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các mô hình công nghệ cao năm 2024 kéo dài sang năm 2025: Trồng nho trong nhà màng ứng dụng hệ thống tưới nhỏ giọt; Ứng dụng hệ thống tưới phun tự động trên cao kết hợp hệ thống châm phân cho cây sầu riêng;

Trồng tre điền trúc lấy măng ứng dụng điện năng lượng mặt trời trong hệ thống tưới nhỏ giọt; Chăn nuôi heo (Heo rừng lai) an toàn sinh học.

- Báo cáo hoạt động sáng kiến kinh nghiệm năm 2024: Tổng số sáng kiến được công nhận: 143 sáng kiến phát triển KT-XH năm 2023 và 837 sáng kiến ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2023-2024.

3. Huyện Chợ Mới:

- Báo cáo tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến năm 2024, cụ thể công nhận 1.154 sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở đối với ngành giáo dục và đào tạo năm học 2023-2024; 322 sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở đối với ban, ngành huyện, xã, thị trấn.

- Tuyên truyền, vận động có 08 cơ sở được trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang (Sản xuất rau an toàn trong nhà lưới - Nguyễn Thanh Pho; HTX Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Nông nghiệp Chợ Mới; Công ty TNHH Nông Phẩm Lộc Trang; HKD Đức Hiền; HKD Kim Loan; Công ty TNHH Sản xuất và Mua bán Nông sản FRESH MEKONG; HKD khô Thiên Vy và HTX trái cây Gáp Chợ Mới).

- Phối hợp tổ chức buổi báo cáo đánh giá mô hình chuyển đổi số tại công ty TNHH MTV và DV Thái Minh Nguyên, huyện Chợ Mới thuộc Đề tài nghiên cứu *"Giải pháp chuyển đổi số của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh An Giang"* do PGS. TS Đoàn Thanh Nghị (Đại học An Giang) làm chủ nhiệm.

"Xem tiếp trang 36"

5 XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ SẼ PHÁT TRIỂN MẠNH TRONG NĂM 2025

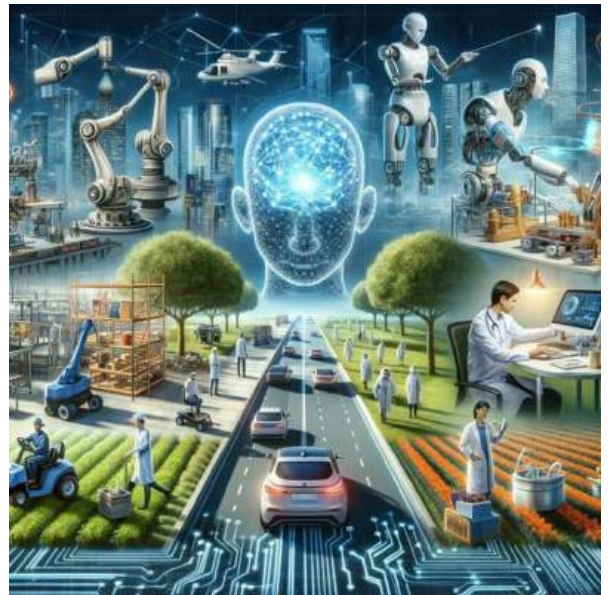
Năm 2025 hứa hẹn giai đoạn bùng nổ của những công nghệ tiên tiến, mở ra những cơ hội và thách thức mới cho nền kinh tế, xã hội và cuộc sống con người. Những đổi mới trong trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ sinh học, an ninh mạng, điện toán lượng tử và công nghệ khí hậu sẽ không chỉ thay đổi cách chúng ta làm việc mà còn tác động sâu rộng đến cách thế giới vận hành. Sau đây là 5 xu hướng công nghệ nổi bật nhất dự kiến sẽ định hình năm 2025 theo Tạp chí Forbes.

1. Sự hội tụ giữa trí tuệ nhân tạo và máy móc:

AI đã đạt được những bước tiến vượt bậc trong thời gian qua, năm 2025 sẽ chứng kiến sự hội tụ mạnh mẽ hơn giữa con người và máy móc. AI không chỉ còn là công cụ hỗ trợ mà sẽ trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày, giúp nâng cao năng suất làm việc và cải thiện khả năng ra quyết định của con người. Một trong những bước đột phá đáng chú ý sẽ là sự phổ biến của AI tạo sinh (Generative AI). Các công nghệ như Sora của OpenAI có thể tạo ra các video chân thực từ mô tả văn bản, mở ra kỷ nguyên mới trong truyền thông, giáo dục và giải trí. Ngoài ra, AI còn có thể cá nhân hóa trải nghiệm làm việc, cung cấp trợ lý ảo thông minh hỗ trợ doanh nghiệp và cá nhân tối ưu hóa hiệu suất.

2. Cách mạng công nghệ sinh học:

Năm 2025, công nghệ sinh học - với khả năng khai thác sức mạnh của khoa học sự sống để cải thiện sức khỏe, nông nghiệp và tính bền vững môi trường sẽ tiếp tục tạo ra những thay đổi sâu sắc trên toàn cầu. Những tiến bộ vượt bậc như công nghệ chỉnh sửa gen CRISPR sẽ được ứng dụng rộng rãi hơn, mang đến các phương pháp điều trị cá nhân hóa cho những bệnh lý di truyền như loạn dưỡng cơ, xơ nang và



ảnh tư liệu, nguồn: Tạp chí Forbes

thiếu máu hồng cầu hình liềm. Đồng thời, các liệu pháp điều trị đích sẽ mở ra hướng tiếp cận mới trong điều trị ung thư, giảm thiểu tác dụng phụ và nâng cao hiệu quả.

Không chỉ dừng lại ở lĩnh vực y tế, công nghệ sinh học còn thúc đẩy những bước tiến mới trong nông nghiệp, cho phép tạo ra các giống cây trồng có khả năng kháng bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu, từ đó giảm thiểu việc sử dụng thuốc trừ sâu độc hại. Bên cạnh đó, những sáng kiến như thịt nuôi cấy trong phòng thí nghiệm cũng sẽ thu hút sự quan tâm, cung cấp giải pháp thay thế bền vững cho phương pháp sản xuất thịt truyền thống, góp phần giải quyết

các vấn đề an ninh lương thực toàn cầu. Những tiến bộ này không chỉ hứa hẹn kéo dài tuổi thọ con người mà còn nâng cao chất lượng cuộc sống, khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của công nghệ sinh học trong cách chúng ta sống, làm việc và bảo vệ hành tinh.

3. Công nghệ khí hậu:

Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất mà nhân loại phải đối mặt, và năm 2025 sẽ chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ giúp giảm thiểu tác động của nó.

Năm 2023, đầu tư vào lĩnh vực công nghệ sinh học đã giảm do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế. Tuy nhiên, đến năm 2024, mức đầu tư đã có dấu hiệu phục hồi và các nhà phân tích dự đoán xu hướng tăng trưởng này sẽ tiếp tục trong năm tới. Động lực chính cho sự gia tăng này đến từ yêu cầu ngày càng cao trước những bằng chứng không thể phủ nhận về tác động của biến đổi khí hậu, vốn đang ngày càng trở nên rõ rệt hơn.

Trong những năm gần đây, thế giới đã chứng kiến nhiều bước tiến đáng kể, từ sự gia tăng nhanh chóng của xe điện cho đến những đột phá trong công nghệ thu giữ và lưu trữ carbon. Những tiến bộ này đã mở đường cho một tương lai bền vững hơn.

Năm 2025 được dự đoán là một cột mốc quan trọng khi những cải tiến này, cùng với nhiều sáng kiến khác, được mở rộng quy mô và tích hợp sâu rộng vào đời sống hằng ngày. Một trong những tác động nổi bật nhất sẽ là sự tăng tốc trong phát triển và ứng dụng các giải pháp lưu trữ năng lượng sạch, với những đột phá trong công nghệ pin và hệ thống lưới điện hứa hẹn nâng cao độ tin cậy và hiệu quả, từ đó thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh.

4. An ninh mạng toàn cầu:

Mối đe dọa từ tin tặc, trộm cắp dữ liệu và các cuộc tấn công mạng sẽ trở nên nghiêm trọng hơn bao giờ hết, không chỉ đối với các doanh nghiệp toàn cầu mà còn đe dọa đến toàn xã hội, an ninh quốc gia và an toàn công cộng. Trong những năm gần đây, chúng ta đã chứng kiến sự gia tăng đáng kể các cuộc tấn công mạng nhắm vào cơ sở hạ tầng quan trọng, bao gồm lưới điện, hệ thống chăm sóc sức khỏe và thậm chí cả hệ thống bầu cử. Những cuộc tấn công này không chỉ gây thiệt hại kinh tế mà còn đe dọa đến sự ổn định xã hội và niềm tin của công chúng.

Để đối phó, AI và công nghệ blockchain sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện, ngăn chặn và giảm thiểu rủi ro an ninh mạng. Các giải pháp xác thực đa yếu tố (MFA), mã hóa tiên tiến và bảo mật không gian mạng bằng AI sẽ trở thành tiêu chuẩn mới trong bảo vệ dữ liệu. Ngoài ra, các tổ chức và chính phủ sẽ phải hợp tác chặt chẽ hơn để chia sẻ thông tin tình báo và xây dựng chiến lược phòng thủ hiệu quả trước các cuộc tấn công mạng ngày càng tinh vi.

5. Điện toán lượng tử:

Mặc dù điện toán lượng tử vẫn chưa trở nên phổ biến rộng rãi, nhưng năm 2024 đã chứng kiến sự xuất hiện của một số ứng dụng thực tế quan trọng, chẳng hạn như khám phá thuốc và giải quyết các bài toán tối ưu hóa trong lĩnh vực tài chính và hậu cần. Với sự phát triển của điện toán lượng tử dựa trên đám mây, công nghệ này đang trở nên dễ tiếp cận hơn đối với nhiều doanh nghiệp và tổ chức. Điều này khiến năm 2025 có thể trở thành thời điểm mà tác động của điện toán lượng tử đến cuộc sống con người trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết.

Các chuyên gia dự đoán rằng, điện toán lượng tử sẽ cách mạng hóa nhiều lĩnh vực, bao gồm mô hình hóa khí hậu, khám phá vật liệu mới, nghiên cứu hệ gen, phát triển năng lượng sạch và cải tiến mã hóa. Ngoài ra, nhiều người tin rằng điện toán lượng tử sẽ có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của AI. Các thuật toán lượng tử có khả năng xử lý dữ liệu với tốc độ chưa từng có sẽ thúc đẩy các ứng dụng như xử lý ngôn ngữ tự nhiên, lái xe tự động và thị giác máy tính lên một tầm cao mới. Những tiến bộ này hứa hẹn sẽ mở ra kỷ nguyên mới cho cả khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, một trong những thách thức lớn nhất của điện toán lượng tử là "Ngày Q" - thời điểm mà máy tính lượng tử có thể phá vỡ các hệ thống mã hóa hiện tại, đặt ra nguy cơ lớn về an ninh mạng.

Các chuyên gia dự đoán rằng năm 2025 sẽ là thời điểm quan trọng để chuẩn bị và phát triển các giải pháp bảo mật lượng tử nhằm đối phó với nguy cơ này.

Năm 2025 sẽ là một năm đầy biến động với sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ tiên tiến. AI, công nghệ sinh học, công nghệ khí hậu, an ninh mạng và điện toán lượng tử sẽ không chỉ thay đổi cách con người làm việc mà còn tác động sâu sắc đến mọi mặt của cuộc sống.

Bên cạnh những cơ hội lớn, chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với những thách thức về bảo mật, đạo đức và tác động xã hội của công nghệ. Việc chủ động thích ứng và phát triển các chính sách quản lý hiệu quả sẽ là chìa khóa để tận dụng tối đa lợi ích từ những đổi mới này./.

PT (theo Forbes)

Nguồn: TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

“Tiếp theo trang 33”

4. Huyện Châu Phú:

- Tổ chức nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở “*Nghiên cứu quy trình chế biến sản phẩm giá trị gia tăng snack da ếch trứng muối từ nguồn phụ phẩm da ếch tươi và quy trình chế biến khô ếch tại huyện Châu Phú*”; “Nghiên cứu xây dựng quy trình chế biến khô lươn tầm gia vị ăn liền và chà bông lươn” thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới tỉnh An Giang.

- Đăng ký thực hiện mô hình điểm của tỉnh trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia kết hợp với triển

khai thực hiện Đề án phát triển bền vững một triệu hecta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn huyện Châu Phú.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể để tiếp nhận 5.000 con cá lóc bố mẹ hậu bị cho nông dân trên địa bàn huyện Châu Phú để nhân rộng và phát triển thành vùng cung cấp giống cá lóc chất lượng cao (chuyển giao trực tiếp cho nông dân) và 03 quy trình công nghệ thuộc đề tài “*Cải thiện giống cá lóc (channa striata Bloch, 1973) bằng phương pháp chọn lọc*” gồm: ⁽¹⁾Quy trình chọn lọc cá lóc bố mẹ hậu bị chất lượng; ⁽²⁾Quy trình ương giống cá lóc từ nguồn cá bố mẹ hậu bị chất lượng; ⁽³⁾Quy trình nuôi cá lóc thương phẩm từ con giống chất lượng./.

VINH DANH 133 DOANH NGHIỆP ĐẠT GIẢI VÀNG VÀ GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Giải thưởng Chất lượng Quốc gia là Giải thưởng của Thủ tướng Chính phủ trao tặng cho những doanh nghiệp nhằm tôn vinh những doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động, hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.

Được sự đồng ý của Bộ Khoa học và Công nghệ, tối ngày 18/12/2024, tại Nhà hát Quân đội (Số 130 Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức trọng thể Lễ trao Giải thưởng Chất lượng Quốc gia và Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương năm 2021, 2022, 2023.

Lễ trao giải có sự tham dự của Ông Huỳnh Thành Đạt – Bộ trưởng Bộ KH&CN cùng các Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh cùng các doanh nghiệp đạt Giải thưởng trong các năm 2021, 2022, 2023.



Đại diện các doanh nghiệp đạt Giải vàng Chất lượng Quốc gia



Đại diện Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Cửu Long An Giang nhận giải vàng

Năm 2021, 2022, 2023 có 133 lượt tổ chức/doanh nghiệp đạt giải: gồm 52 Giải vàng Chất lượng Quốc gia, 81 Giải thưởng Chất lượng Quốc gia. Trong đó tỉnh An Giang có 01 doanh nghiệp vinh dự được Thủ tướng Chính phủ quyết định trao Giải vàng Chất lượng Quốc gia năm 2023 đó là Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Cửu Long An Giang.

Thời gian tới, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang mong muốn các doanh nghiệp được trao tặng Giải thưởng sẽ tiếp tục chủ động phát huy sức sáng tạo, nâng cao vị thế của hàng hóa, dịch vụ Việt Nam trên thị trường trong và ngoài nước. Đồng thời Sở Khoa học và Công nghệ cũng sẽ tiếp tục vận động doanh nghiệp trong tỉnh tham gia nhiều hơn nữa và đưa ra các giải pháp thiết thực để doanh nghiệp không chỉ được tôn vinh, còn được hưởng các ưu đãi về tiếp cận và phát triển thị trường, nâng cao năng suất chất lượng, hỗ trợ đổi mới sáng tạo... để tạo động lực mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm./.

Trung Hiếu

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ VÀ HOẠT ĐỘNG LIÊN MINH HỢP TÁC TỈNH AN GIANG THÁNG 01 NĂM 2025

Tính đến tháng 01/2025, toàn tỉnh hiện có 300 HTX hoạt động trên 06 lĩnh vực, bao gồm: Nông nghiệp - Thủy sản: 229 HTX; Vận tải: 29 HTX; Tiểu thủ công nghiệp: 05 HTX; Thương mại, dịch vụ, du lịch: 12 HTX; Khai khoáng: 01 HTX; Quỹ tín dụng nhân dân: 24 Quỹ và 02 Liên hiệp HTX (Thoại Sơn và Tri Tôn).

Trong tháng 01/2025, Liên minh HTX tỉnh đã tổ chức Hội nghị Ban chấp hành lần thứ 11, khóa VI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 tổng kết tình hình phát triển KTTT, HTX năm 2024 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2025; tham dự Hội nghị ra mắt HTX phát triển Du lịch Nông nghiệp Đất vàng Bảy núi (TX. Tịnh Biên); xây dựng Kế hoạch phối hợp giữa Liên minh HTX tỉnh và Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh An Giang trong việc thực hiện hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030; báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nội dung phối hợp hoạt động giữa Liên minh HTX tỉnh và UBND huyện An Phú năm 2024, xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2025; tham dự Hội thảo trực tuyến về tổng kết đánh giá thi hành Điều lệ Liên minh HTX Việt Nam nhiệm kỳ 2020 - 2025; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên minh HTX Việt Nam nhiệm kỳ 2025 - 2030; thu nhập số liệu và dự thảo báo cáo khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của HTX đối với chính quyền địa phương và kết quả hoạt động năm 2023.

Bên cạnh đó, còn phối hợp Trung tâm Nông nghiệp nhiệt đới (CIAT) khảo sát “*Mô hình tạo động lực chuyển đổi nông nghiệp sinh thái trong chuỗi giá trị lúa gạo của các HTX khu vực vùng ĐBSCL*” gắn với thích



Chủ tịch Liên minh HTX tỉnh An Giang Trần Văn Cường trao Giấy chứng nhận kết nạp các HTX thành viên mới

ứng của biến đổi khí hậu HTX nông nghiệp Phú Thạnh (huyện Phú Tân); HTX nông nghiệp Vọng Đông (huyện Thoại Sơn) và HTX nông nghiệp Vĩnh Bình (huyện Châu Thành); tổ chức Hội nghị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng Khối thi đua các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp (Khối Thi đua 10) do Liên minh HTX tỉnh phụ trách Khối trường năm 2024...

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong tháng 01/2025, Liên minh HTX tỉnh xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện trong tháng 02/2025, cụ thể như: Tổ chức các lớp tập huấn sáng lập viên, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về KTTT, HTX, về Luật HTX năm 2023 và các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; hỗ trợ thành lập mới 02 HTX nông nghiệp.

Ngọc Dung

PHÊ DUYỆT THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KH&CN CẤP TỈNH “NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN MỘT SỐ SẢN PHẨM TỪ CÂY KIM NGÂN (*LONICERA JAPONICA* THUNB.) TRỒNG TẠI AN GIANG”

Ngày 24/02/2025, Chủ tịch UBND tỉnh An Giang Hồ Văn Mừng ban hành Quyết định số 245/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề tài KH&CN cấp tỉnh “*Nghiên cứu phát triển một số sản phẩm từ cây Kim Ngân (Lonicera japonica Thunb.) trồng tại An Giang*”, với một số thông tin cụ thể như sau:

1. Mục tiêu thực hiện:

a) Mục tiêu chung: Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất một số sản phẩm từ cây Kim Ngân (*Lonicera japonica* Thunb.) được trồng tại tỉnh An Giang có hoạt tính chống oxy hóa, hỗ trợ điều trị bệnh đái tháo đường, bảo vệ gan và kháng viêm.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng, khảo sát chất lượng nguồn nguyên liệu Kim Ngân hoa tại huyện Chợ Mới và vùng Bảy Núi.

- So sánh hàm lượng hoạt chất trong Kim Ngân hoa, Kim Ngân cuộng tại An Giang và so sánh hàm lượng hoạt chất của Kim Ngân trồng tại An Giang với một số vùng trong nước.

- Xây dựng quy trình chiết xuất cao nước Kim Ngân hoa quy mô phòng thí nghiệm, quy trình có khả năng nâng cấp cỡ lô chiết xuất trên quy mô công nghiệp.

- Đánh giá tính an toàn, tác động dược lý của cao chiết nước từ Kim Ngân hoa có khả năng kháng viêm, chống oxy hóa, bảo vệ gan, hỗ trợ điều trị bệnh đái tháo đường.

- Xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm cao nước từ Kim Ngân hoa.

- Xây dựng quy trình sản xuất các sản phẩm từ Kim Ngân hoa: trà sấy khô, trà hòa tan, trà túi lọc và viên nang cứng.

- + Trà sấy khô, trà túi lọc (nghiên cứu quy trình trên 1 - 2 kg Kim Ngân hoa đã sơ chế).

- + Trà hòa tan (nghiên cứu quy trình trên 0,5 - 1 kg cao nước).

- + Viên nang cứng (cỡ lô nghiên cứu 250 - 500 viên nang cứng và cỡ lô sản xuất 5.000 viên nang cứng).

- Đánh giá tính an toàn, tác dụng dược lý của viên nang có khả năng kháng viêm, chống oxy hóa, hỗ trợ điều trị bệnh đái tháo đường, bảo vệ gan.

- Xác định thời gian bảo quản của các sản phẩm: trà sấy khô, trà hòa tan, trà túi lọc và viên nang cứng.

- Tập huấn kỹ thuật thu hái, sơ chế nguyên liệu, quy trình sản xuất và chuyển giao quy trình sản xuất cho doanh nghiệp, công ty.

2. Tổ chức chủ trì: Trung tâm Khoa học Công nghệ Dược Sài Gòn, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chủ nhiệm đề tài: PGS. TS. Đỗ Thị Hồng Tươi.

4. Thời gian thực hiện: 24 tháng, kể từ ngày đề tài được phê duyệt.

5. Nội dung thực hiện chủ yếu:

- *Nội dung 1:* Định danh, sơ chế và tiêu chuẩn hóa nguyên liệu đầu vào cho nghiên cứu.

- *Nội dung 2:* Nghiên cứu xây dựng và tối ưu hóa quy trình chiết xuất cao nước từ Kim Ngân hoa theo định hướng tác dụng sinh học in vitro.

- *Nội dung 3:* Xây dựng và thẩm định tiêu chuẩn cơ sở của cao nước Kim Ngân hoa.

- *Nội dung 4:* Đánh giá tính an toàn, tác động điều trị bệnh đái tháo đường, chống oxy hóa, bảo vệ gan và kháng viêm của cao nước Kim Ngân hoa trên chuột nhắt.

- Đánh giá nghiệm thu giữa kỳ.

- *Nội dung 5:* Xây dựng quy trình sản xuất các sản phẩm từ Kim Ngân hoa: trà sấy khô, trà túi lọc, trà hòa tan và viên nang cứng.

- *Nội dung 6:* Đánh giá tính an toàn, tác động điều trị bệnh đái tháo đường, chống oxy hóa, bảo vệ gan và kháng viêm của viên nang cứng chứa cao nước Kim Ngân hoa trên chuột nhắt.

- *Nội dung 7:* Khảo sát sơ bộ thời gian bảo quản các sản phẩm từ Kim Ngân hoa.

6. Sản phẩm chính của đề tài:

- Báo cáo tổng kết kết quả đề tài;

- Báo cáo tóm tắt kết quả đề tài;

- 01 quy trình thu hái và xử lý nguyên liệu Kim Ngân hoa. Quy trình đảm bảo nguyên liệu Kim Ngân hoa đạt tiêu chuẩn cơ sở;

- 01 quy trình chiết xuất cao nước từ Kim Ngân hoa. Quy trình chiết xuất có hàm lượng hoạt chất cao và ổn định, có khả năng ứng dụng trong sản xuất công nghiệp;

- 03 quy trình sản xuất trà: ⁽¹⁾Quy trình sản xuất trà sấy khô; ⁽²⁾Quy trình sản xuất trà túi lọc; ⁽³⁾Quy trình sản xuất trà hòa tan.

Các quy trình ổn định, có khả năng nâng cấp quy mô sản xuất;

- 01 quy trình sản xuất viên nang cứng chứa cao nước Kim Ngân hoa. Quy trình ổn định, có khả năng sản xuất chế phẩm ở quy mô công nghiệp đạt tiêu chuẩn cơ sở;

- 5.000 viên nang cứng đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn cơ sở;

- 03 Bộ hồ sơ Tiêu chuẩn cơ sở: ⁽¹⁾Hồ sơ Tiêu chuẩn cơ sở nguyên liệu Kim Ngân hoa; ⁽²⁾Hồ sơ Tiêu chuẩn cơ sở cao nước Kim Ngân hoa được chiết xuất ở quy mô công nghiệp; ⁽³⁾Hồ sơ Tiêu chuẩn cơ sở viên nang cứng chứa cao nước Kim Ngân hoa. Các hồ sơ Tiêu chuẩn cơ sở được thẩm định đạt yêu cầu;

- 03 Bộ hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ: ⁽¹⁾Bộ hồ sơ về Quy trình xử lý nguyên liệu Kim Ngân hoa; ⁽²⁾Bộ hồ sơ về Quy trình chiết xuất cao nước Kim Ngân hoa; ⁽³⁾Bộ hồ sơ về Quy trình sản xuất viên nang cứng chứa cao chiết nước Kim Ngân hoa. Các hồ sơ được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn hợp lệ;

- 03 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước;

- Đào tạo ít nhất 01 thạc sĩ chuyên ngành dược học, y học, sinh học, công nghệ sinh học cho học viên có quê quán hoặc đang công tác trên địa bàn tỉnh An Giang./.

Phòng QLKH

Trích nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang

Ban biên tập Bản tin KH&CN An Giang kính mong bạn đọc tham gia góp ý xây dựng để Bản tin ngày càng phát triển, đáp ứng nhiệm vụ tuyên truyền và nhu cầu thông tin của bạn đọc. Mọi ý kiến, góp ý vui lòng quét mã QR hoặc gửi đến:

- Địa chỉ: Số 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Điện thoại: 0939 007676 (Hà Thị Mỹ Trang - Thư ký)

- Email: bantinkhcnag@gmail.com

Chân thành cảm ơn!



Bản tin KH&CN số: 01/2025.
In 550 cuốn, khổ 19x27cm, tại
Công ty CP In An Giang.
Giấy phép xuất bản số
03/GP-XBBT ngày 15/01/2025
của Sở Thông tin và Truyền
thông An Giang.
Chịu trách nhiệm xuất bản:
ThS. Tăng Phú An
In xong nộp lưu chiểu tháng
03/2025.

HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT TỈNH AN GIANG LẦN THỨ XIV (2024-2025)

HỒ SƠ DỰ THI

- Hồ sơ gồm có:

1. Phiếu dự thi (theo mẫu, 01 bộ).
2. Bản mô tả giải pháp, đề tài dự thi (theo mẫu, 02 bộ).
3. Toàn văn giải pháp, đề tài nghiên cứu dự thi (đóng quyển, video clip).
4. Các bản vẽ, hình ảnh, các tính toán minh họa, các tính toán liên quan khác.

- Hồ sơ dự thi hợp lệ nếu nội dung giải pháp, đề tài thuộc các lĩnh vực nêu tại Điều 4 của Thể lệ.

- Hồ sơ dự thi được trình bày rõ ràng, có thể viết tay, đánh máy, không tẩy xóa. Hồ sơ dự thi sẽ không hoàn lại cho tác giả ngoại trừ các hiện vật dự thi.

GIẢI THƯỞNG HỘI THI

02 giải Nhất (không cùng lĩnh vực), mỗi giải: 30.000.000 đồng.

03 giải Nhì, mỗi giải: 24.000.000 đồng.

05 giải Ba, mỗi giải: 18.000.000 đồng.

10 đến 15 giải Khuyến khích, mỗi giải: 6.000.000 đồng.

- Các tác giả đoạt giải được cấp Giấy chứng nhận đoạt giải Sáng tạo kỹ thuật và được tặng 01 Biểu trưng của Ban Tổ chức Hội thi. Giải Nhất và giải Nhì được tặng Bằng khen của UBND tỉnh; các giải Ba và giải Khuyến khích tặng Giấy khen Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh.

- Ban Tổ chức Hội thi tặng Giấy khen và đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tuyên truyền, phổ biến và tham gia Hội thi.

THỜI GIAN ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ DỰ THI

Bắt đầu từ ngày công bố Thể lệ đến hết ngày 30/6/2025.

Hồ sơ đựng trong phong bì dán kín, ngoài bì thư ghi:

Địa chỉ: **Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh An Giang.**

số 54 Tôn Đức Thắng, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang.

Điện thoại: 0296.39.51.498 - 38.59.007 Email: lienhiepchkhvkt@angiang.gov.vn

BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- Hồ sơ được tiếp nhận, xem xét, lưu trữ và bảo mật cho đến ngày công bố kết quả.

- Việc tham gia dự thi không thay thế cho đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (công nghiệp).

- Hướng dẫn làm hồ sơ bảo hộ sở hữu trí tuệ (nếu có yêu cầu) liên hệ: Sở Khoa học và Công nghệ hoặc sở, ngành liên quan.

Thông tin chi tiết về Hội thi được đăng tải trên website: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông, Liên đoàn Lao động tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Trường Đại học An Giang, Trường Cao đẳng nghề An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo An Giang.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN AN GIANG là dấu hiệu để người tiêu dùng nhận biết nguồn gốc các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh An Giang được sản xuất trên cơ sở áp dụng những quy trình, quy chuẩn theo hướng an toàn



Mọi thắc mắc về Nhãn hiệu chứng nhận An Giang vui lòng liên hệ:

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

☎ (0296) 3955 300 🌐 tbtagi.angiang.gov.vn



THÔNG TIN CẦN BIẾT

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG

Đường dây nóng tiếp nhận phản ánh vi phạm đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu

📍 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎ **Chánh Thanh tra (0296) 390 808 (Đường dây nóng)**

📞 Cơ quan: (0296) 3852850 hoặc (0296) 3852212

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

📍 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎ (0296) 3955300 🌐 [https://tbtagi.angiang.gov.vn](http://tbtagi.angiang.gov.vn)

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIỀN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG

📍 17 Lê Lai, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎ (0296) 3954305 hoặc (0296) 3954306

🌐 <https://agitech.vn> 🌐 <https://atie.vn>

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ SINH HỌC AN GIANG

📍 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎ (0296) 6504499

🌐 <https://congnghesinhhoc.biotech.vn>